

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ ĐỨC CHUNG

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN
CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN
TẠI CÁC TRẠI GIAM KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ ĐỨC CHUNG

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN
CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN
TẠI CÁC TRẠI GIAM KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực.

Những kết luận khoa học của luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào.

NGƯỜI CAM ĐOAN

LÊ ĐỨC CHUNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI PHẠM DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN	8
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện	19
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện trên cơ sở của cơ chế tác động	24
Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI PHẠM DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN TẠI CÁC TRẠI GIAM KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ	35
2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015	35
2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ	49
Chương 3: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN TẠI CÁC TRẠI GIAM KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC NÀY	55
3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện	55
3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện và dự báo tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện	56
3.3. Giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam	59
KẾT LUẬN	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	71
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Danh mục trại giam khu vực miền Đông Nam bộ - Bộ Công an	1
Bảng 2.2. Thống kê số liệu phạm nhân theo tội danh	1
Bảng 2.3. Thống kê phân loại phạm nhân theo mức án và độ tuổi	2
Bảng 2.4. Thống kê phạm nhân theo phân loại quản chế	2
Bảng 2.5. Thống kê số phạm nhân có tiền án và nghiện ma túy	3
Bảng 2.6. Thống kê số phạm nhân là người dân tộc ít người	3
Bảng 2.7. Thống kê số phạm nhân theo các tôn giáo	4
Bảng 2.8. Thống kê tổng số cán bộ chiến sỹ	4
Bảng 2.9. Thống kê trình độ nghiệp vụ và cấp hàm của cán bộ chiến sỹ	5
Bảng 2.10. Thống kê trình độ và cấp hàm của cán bộ trinh sát, trực trại	5
Bảng 2.11. Thâm niên công tác của cán bộ trinh sát trại giam	6
Bảng 2.12. Cơ cấu, tình hình tội phạm trong trại giam	6
Bảng 2.13. Kết quả xử lý phạm nhân phạm tội	7
Bảng 2.14. Địa bàn phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội	7
Bảng 2.15. Độ tuổi của những phạm nhân phạm tội	8
Bảng 2.16. Trình độ văn hóa của những phạm nhân phạm tội trước khi vào trại	8
Bảng 2.17. Nghề nghiệp của những phạm nhân phạm tội trước khi vào trại	8
Bảng 2.19. Mức án của những phạm nhân phạm tội	9
Bảng 2.20. Tiền án, tiền sự của những phạm nhân phạm tội	9
Bảng 2.21. Thời gian phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội	10
Bảng 2.22. Số liệu phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế	10
Bảng 2.23. Kết quả xử lý phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế	10

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở một số quốc gia trên thế giới nhà tù đơn thuần chỉ được dùng làm nơi giam giữ, quản lý, cách ly tù nhân khỏi đời sống xã hội. Còn ở Việt Nam, trại giam còn là một "trường dạy nghề" giúp cho những phạm nhân đang chấp hành án phạt tù nhận thức được giá trị của sức lao động, phấn đấu cải tạo sớm trở về đoàn tụ gia đình, trở thành người có ích cho xã hội. Nội dung này được cụ thể hóa tại khoản 3 Điều 3 Luật thi hành án hình sự "Thi hành án phạt tù là việc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Luật này buộc phạm nhân phải chịu sự quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo để họ trở thành người có ích cho xã hội". Môi trường trại giam ở Việt Nam do các quy định của pháp luật Việt Nam, có đặc trưng của pháp luật Việt Nam tuy nhiên ở môi trường này có những yếu tố không được như mong muốn cho nên vẫn xảy ra tình trạng phạm nhân phạm tội trong quá trình chấp hành án phạt tù.

Tính đến năm 2015, Tổng cục thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (Tổng cục VIII) đang quản lý 51 trại giam với 106.713 phạm nhân. Trong đó khu vực Đông Nam Bộ có các trại giam: Xuân Lộc (Đồng Nai), Xuyên Mộc (Bà Rịa - Vũng Tàu), An Phước (Bình Dương), Tổng Lê Chân (Bình Phước), Cây Cầy (Tây Ninh). Phần lớn người phạm tội khi chấp hành án tại các trại giam đều nỗ lực cải tạo, thấy rõ tội lỗi, quyết tâm học tập cải tạo để được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, sớm trở về sum họp với gia đình và hòa nhập với xã hội. Tuy nhiên, vẫn có một số lượng phạm nhân nhất định rất ngoan cố, không chịu từ bỏ con đường phạm tội, không chịu tiếp thu các tác động giáo dục của cán bộ trại giam, vi phạm nội quy, quy chế trại giam thậm chí là thực hiện hành vi phạm tội mới. Đặc biệt phạm nhân phạm các tội về ma túy hiện nay chiếm tỷ lệ cao

(31%), phạm nhân sử dụng các chất ma túy (19,6%), nhiều đối tượng nhiễm HIV/AIDS; những người nghiện ma túy chiếm tỷ lệ cao lại có nhiều tiền án tiền sự, tái phạm và phạm các tội đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, lợi dụng tình trạng sinh hoạt chung, nhiều phạm nhân còn gây ra các vụ cố ý gây thương tích, giết người, trốn khỏi nơi giam giữ... gây ra những khó khăn ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý giam giữ và giáo dục phạm nhân. Như vậy, tội phạm do phạm nhân thực hiện có nhiều loại cho nên tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện cũng rất đặc biệt, do một chủ thể đặc biệt thực hiện (phạm nhân ở trại giam). Chủ thể có thể ở trại giam thuộc Bộ công an, Bộ quốc phòng. Đề tài: “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ” thì đề tài có phạm vi nghiên cứu nhỏ, đó là nghiên cứu tình hình phạm nhân phạm tội ở các trại giam khu vực miền Đông nam bộ thuộc Bộ công an.

Trong các năm từ 2011 đến 2015 tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ thuộc Bộ công an có xảy ra 258 vụ với 260 phạm nhân phạm tội trong quá trình chấp hành án, trung bình trong một năm xảy ra 50 vụ với 52 phạm nhân phạm tội mới. Vậy tại sao trong môi trường trại giam là môi trường giáo dục cải tạo phạm nhân mà lại xảy ra tình trạng phạm nhân tái phạm tội như vậy? Từ đó đặt ra yêu cầu cần thiết phải nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình phạm nhân phạm tội tại các trại giam khu vực miền Đông nam bộ.

Trong nghiên cứu tội phạm học, nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm là vấn đề vô cùng quan trọng, bởi vì suy cho cùng, mục đích của tội phạm học nói riêng cũng như mục đích của công tác điều tra, truy tố, xét xử nói chung là góp phần làm giảm đến mức thấp nhất số lượng tội phạm xảy ra trong xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà muốn làm

giảm tội phạm, vấn đề quan trọng là phải phân tích làm rõ nguyên nhân làm phát sinh tội phạm. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể xây dựng được hệ thống biện pháp phòng ngừa hữu hiệu góp phần làm hạn chế hoặc triệt tiêu các nguyên nhân và điều kiện này. Với ý nghĩa quan trọng đó, tất cả các tài liệu nghiên cứu về tội phạm học đều dành sự quan tâm đặc biệt tới nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Vì những lý do như vậy, việc lựa chọn đề tài “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ*” là đáp ứng yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để nghiên cứu đề tài: “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ” trong quá trình thực hiện có các tài liệu sau đây được nghiên cứu:

- Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, NXB. Công an Nhân dân, Hà Nội.

- Dương Văn Hùng (2004), *Tội phạm trốn khỏi nơi giam giữ và công tác phòng ngừa, đấu tranh tại khu vực phía Nam – Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Trường đại học Cảnh sát nhân dân, T.p Hồ Chí Minh.

- Vũ Việt Hùng (Chủ nhiệm) (2011), *Một số kinh nghiệm trong kiểm sát thi hành án hình sự*. Chuyên đề khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.

- Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

Các công trình trên đi sâu tìm hiểu các vấn đề về tình hình tội phạm nói chung hoặc tình hình tội phạm tại các trại giam nói riêng. Chưa có nghiên cứu nào phân tích cụ thể các nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam

Bộ. Vì vậy, việc lựa chọn đề tài nghiên cứu của luận văn là phù hợp với nhu cầu lý luận cũng như thực tiễn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài: “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ” là một nội dung của tội phạm học cho nên cũng phải nghiên cứu quy luật, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện nhằm tạo cơ sở vững chắc cho việc phòng ngừa.

Mục đích nghiên cứu của đề tài luận văn là nhằm tiếp cận một cách có hệ thống và toàn diện nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở thống nhất về mặt nhận thức, kết quả nghiên cứu của luận văn tìm ra những đặc điểm của nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện cả lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ góp phần cùng với các cơ quan bảo vệ pháp luật khác đấu tranh phòng, chống hiệu quả hơn với loại tội phạm này trong thời gian tới.

Để đạt được mục đích nêu trên, đề tài luận văn cần giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Đề cập, làm rõ cơ sở lý luận về nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ
- Khảo sát, đánh giá tổng quan nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ

- Khảo sát thực trạng tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ. Tìm ra những đặc điểm mang tính đặc thù của nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại đây.

- Đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ; tìm ra các mối quan hệ biện chứng, quan hệ nhân quả phụ thuộc lẫn nhau.

- Phạm vi nghiên cứu:

Nghiên cứu đề tài trong phạm vi tội phạm học thuộc chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

+ *Về thời gian*: Đề tài nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ khoảng thời gian 05 năm từ năm 2011 đến 2015.

+ *Về không gian*: Địa bàn khảo sát, phân tích trên phạm vi các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận của luận văn là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ nói riêng.

- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể: Luận văn được nghiên cứu bằng nhiều phương pháp khác nhau như: Phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh; bằng các biện pháp khảo sát, sử dụng biểu đồ minh họa; khảo cứu các văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn có cách tiếp cận mới và khoa học trong việc đánh giá, phân tích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ thời gian vừa qua.

Luận văn đóng góp một bước phát triển tiếp về vấn đề nguyên nhân và điều kiện đối với tình hình phạm nhân phạm tội trong trại giam.

Luận văn phân tích, tổng hợp và chỉ ra những mặt đạt được cũng như bất cập trong phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ.

Luận văn có thể được sử dụng trong quá trình nghiên cứu và đào tạo.

Luận văn giúp cho việc quản lý phạm nhân tại các trại giam có hiệu quả hơn.

Luận văn phân tích những nhu cầu khách quan, những đòi hỏi và trình bày hệ thống các đảm bảo nhằm thực hiện tốt phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động của công tác này.

7. Cơ cấu của luận văn

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ

Chương 2: Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ

Chương 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ và những vấn đề đặt ra đối với phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI PHẠM DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN

1.1. Nhận thức chung về tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam

1.1.1. Khái niệm tội phạm do phạm nhân thực hiện

Trại giam là nơi trực tiếp quản lý và tổ chức thi hành án phạt tù buộc những người bị kết án tù có thời hạn, tù chung thân chấp hành hình phạt tại trại giam nhằm giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Người bị kết án tù chung thân hoặc tù có thời hạn phải chấp hành án ở các trại giam. Kể từ khi người bị kết án tù được trại giam tiếp nhận để thi hành án phạt tù đến khi họ được trả tự do khỏi trại giam được gọi là phạm nhân.

Phạm nhân là những người đã có hành vi vi phạm pháp luật, bị tòa án tuyên xử mức án tù có thời hạn, tù chung thân khi bản án đó đã có hiệu lực pháp luật. Họ bị cưỡng chế đưa vào các trại giam để chấp hành án phạt tù trong một khoảng thời gian luật định nhằm cải tạo, giáo dục họ sớm hoàn lương trở về với gia đình và xã hội. Theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án phạt tù thì tất cả phạm nhân đều phải bị quản lý, giam giữ trong trại giam hoặc trại tạm giam hoặc nhà tạm giữ (trong phạm vi của luận văn chúng tôi chỉ đề cập đến những phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam), ở các trại giam họ phải bị giam giữ trong các nhà giam, buồng giam, thuộc khu giam (khu I hoặc khu II) và phải chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý trại giam. Tại Điều 3, Pháp lệnh Thi hành án phạt tù sửa đổi bổ sung năm 2007 quy định: "*Trong thời gian chấp hành hình phạt, người bị kết án tù phải bị giam giữ, lao động và học tập theo quy định của pháp luật*". Trong quá

trình cải tạo, phần lớn phạm nhân khi vào trại giam đã chấp hành tốt nội quy, quy chế trại giam; cố gắng lao động, cải tạo tốt để sớm được hoàn lương trở về với cộng đồng. Nhưng cũng có không ít phạm nhân do nhận thức kém, bản chất côn đồ, thuộc dạng lưu manh chuyên nghiệp, chây lười lao động, luôn tìm mọi cách vi phạm nội quy, quy chế trại giam, kể cả có những phạm nhân thực hiện những hành vi phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt tù như: tội trốn khỏi nơi giam, giết người, cố ý gây thương tích, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy... những hành vi vi phạm của phạm nhân đã gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Do vậy, việc xác định khái niệm tội phạm do phạm nhân thực hiện là gì có ý nghĩa quan trọng trong công tác phòng ngừa của lực lượng Cảnh sát trại giam.

Điều 8, Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 quy định: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”*.

Theo Điều 8, Bộ luật hình sự năm 1999, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là *“do người có năng lực trách nhiệm hình sự”* thực hiện *“một cách cố ý hoặc vô ý”*, xâm phạm vào những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ *“...xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân...”*, do đó chúng ta thấy rằng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội theo Bộ luật hình sự rất rộng bao gồm tất

cả những công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch sống trên lãnh thổ Việt Nam có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi vi phạm pháp luật Hình sự Việt Nam; chủ thể này xâm phạm vào tất cả các khách thể được Luật Hình sự Việt Nam bảo vệ. Trong các chủ thể thực hiện hành phạm tội đó có những phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam, họ là những người bị tòa án kết án tù có thời hạn, tù chung thân phải vào trại giam để chấp hành hình phạt, họ bị ràng buộc bởi những quy định của pháp luật trong thời gian họ chấp hành án. Do đó, tội phạm do phạm nhân thực hiện trong thời gian họ chấp hành án ở trại giam chủ yếu là ở các trại giam. Để phòng ngừa ngừa tội phạm nói chung hay tội phạm do phạm nhân thực hiện ở các trại giam nói riêng lực lượng Công an phải áp dụng tổng hợp các biện pháp phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ. Tuy nhiên, đối với phòng ngừa tội phạm do phạm nhân thực hiện ở trại giam sẽ có những đặc trưng riêng, trong phạm vi nghiên cứu của Luận văn chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu hoạt động phòng ngừa tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam thuộc Bộ Công an quản lý khu vực miền Đông Nam bộ. Do vậy, theo chúng tôi khái niệm tội phạm do phạm nhân thực hiện trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam theo phạm vi nghiên cứu của Luận văn là:

Tội phạm do phạm nhân thực hiện là hành vi vi phạm của phạm nhân thực hiện trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự.

Tội phạm do phạm nhân thực hiện trong thời gian chấp hành hình phạt tù bao gồm nhiều loại tội danh khác nhau và tác động đến sự ổn định của trại giam, nếu để xảy ra không những làm mất an toàn ở trại giam mà còn ảnh hưởng đến Trật tự an toàn xã hội. Bởi vậy, phòng ngừa tội phạm do phạm

nhân thực hiện trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam là nhiệm vụ rất quan trọng của lực lượng Cảnh sát trại giam.

Ngoài các dấu hiệu pháp lý của tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự nói chung thì tội phạm do phạm nhân thực hiện trong thời họ chấp hành hình phạt tù tại trại giam có những đặc điểm riêng, được thể hiện ở các dấu hiệu đặc trưng sau đây:

- Khách thể của tội phạm: tội phạm nói chung thì khách thể là tất cả những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại còn khách thể bị xâm hại của tội phạm do phạm nhân thực hiện chỉ có một số khách thể tương ứng với các tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự mà phạm nhân đã thực hiện. Do đặc điểm của đối tượng chấp hành án trong các trại giam là phạm nhân, họ bị tước hoặc hạn chế một số quyền nhất định nên họ không có điều kiện xâm phạm tất cả các khách thể được Luật hình sự bảo vệ mà chỉ có thể xâm phạm vào một số khách thể trong điều kiện môi trường phạm nhân chấp hành án ở các trại giam như: sự an toàn của chế độ quản lý giam giữ và sự ổn định của trại giam, xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người...

- Mặt khách quan của tội phạm: đây là tội phạm do những người đang chấp hành bản án phạt tù (tù có thời hạn hoặc tù chung thân) ở trại giam thực hiện. Các hành vi khách quan của tội phạm do phạm nhân thực hiện trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam có nhiều loại khác nhau. Qua nghiên cứu khảo sát, chúng tôi thấy rằng những hành vi vi phạm pháp luật của phạm nhân đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, chủ yếu bao gồm các hành vi sau:

+ Hành vi bỏ trốn của phạm nhân nhằm thoát khỏi sự quản lý giam giữ của cơ quan thi hành án phạt tù để trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật.

(Hành vi khách quan cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam” Điều 311, Bộ luật hình sự năm 1999)

+ Hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của phạm nhân. (Hành vi khách quan cấu thành tội “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” Điều 104, Bộ luật hình sự năm 1999)

+ Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. (Hành vi khách quan cấu thành tội “Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” Điều 194, Bộ luật hình sự năm 1999)

Ngoài ra, phạm nhân còn thực hiện một số hành vi phạm tội khác như: hành vi giết người, chống người thi hành công vụ, gây rối trật tự công cộng...), những hành vi này chiếm tỷ lệ không lớn nhưng lại rơi vào các tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Hậu quả của tội phạm do phạm nhân thực hiện ở trại giam bao gồm: thiệt hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người (chủ yếu là phạm nhân), thiệt hại về vật chất của trại giam; Chi phí trong việc tổ chức truy bắt, truy nã phạm nhân phạm tội trốn khỏi nơi giam; Chi phí trưng cầu giám định tỷ lệ thương tật, khám và điều trị thương tích cho người bị hại, chi phí mai táng trong trường hợp phạm nhân chết, chi phí giám định các chất ma túy; kinh phí tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu, bàn giao hồ sơ theo quy định; ngoài ra những hành vi phạm tội do phạm nhân thực hiện ở các trại giam đã ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân; ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của trại giam, gây tâm lý hoang mang trong phạm nhân và tính nghiêm minh của pháp luật.

Phạm nhân chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với những hậu quả nguy hiểm cho xã hội nếu giữa hành vi và hậu quả có mối quan hệ nhân quả với

nhau, nói cách khác là hậu quả đó do chính hành vi của họ thực hiện. Do đó việc xác định chính xác mối quan hệ giữa hành vi vi phạm của phạm nhân với hậu quả xảy ra là điều hết sức cần thiết để xác định phạm nhân có phạm tội hay không để xử lý phù hợp.

Về thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện phạm tội của phạm nhân:

Thời gian thực hiện hành vi phạm tội của phạm nhân là bất kể lúc nào nếu có điều kiện hoặc có sự chuẩn bị, nghiên cứu lựa chọn thời gian trước khi thực hiện. Tuy nhiên, thực tế vào buổi tối phạm nhân phải ở trong buồng giam tập thể, với nhà giam, tường giam kiên cố, vững chắc, có cán cán bộ Cảnh sát vũ trang canh gác, số lượng phạm nhân trong buồng giam tập trung đông nên phạm nhân khó có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội. Chỉ có thời gian vào ban ngày phạm nhân được đưa ra khỏi buồng giam tập thể để ra các hiện trường lao động, học nghề, đây là những nơi có địa bàn rộng, cán bộ trại giam khó kiểm soát tất cả những hoạt động của họ, nơi đây có nhiều điều kiện thuận lợi để phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội như: cố ý gây thương tích, trốn khỏi nơi giam hay các tội về ma túy... do đó khi dẫn giải, quản lý đội phạm nhân khi đi lao động cán bộ Cảnh sát quản giáo, cán bộ Cảnh sát bảo vệ cần nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt các biện pháp nghiệp vụ, xây dựng các phương án phòng chống đột xuất.

Địa điểm tội phạm do phạm nhân thực hiện chủ yếu xảy ra ở trại giam, tức là nơi trực tiếp quản lý và tổ chức thi hành án phạt tù buộc những người bị kết án tù có thời hạn, tù chung thân chấp hành hình phạt nhằm giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Ngoài ra, phạm nhân có thể phạm tội ở những nơi ngoài trại giam như trốn ở bệnh viện hoặc cố ý gây thương tích, giết người hay quan hệ trái phép chất ma túy với người thân ở bệnh viện bên ngoài trại giam... Tuy nhiên, những trường hợp này chiếm tỷ lệ rất ít trong cơ cấu các tội phạm xảy ra ở trại giam.

Về công cụ, phương tiện gây án: có vụ phạm tội đối tượng có sự chuẩn bị hết sức chu đáo, công phu, tỷ mỉ nhưng cũng có vụ khi có cơ hội là thực hiện ngay dù đó là cơ hội nhỏ nhất, đối tượng có thể lợi dụng bất kể thứ gì có xung quanh mình để đạt được mục đích, nhất là trong môi trường trại giam luôn thiếu công cụ phương tiện gây án. Ngoài ra phạm nhân còn móc nối với người thân, công nhân hợp đồng với trại, người dân sống xung quanh trại giam... để mang vật cấm vào trong trại giam nhằm thực hiện hành vi phạm tội như: các chất ma túy, lưỡi lam, lưỡi cưa sắt...

- Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi của tội phạm do phạm nhân thực hiện đều thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội phạm nhân nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Chẳng hạn như khi thực hiện hành vi bỏ trốn, người phạm tội biết rõ hành vi trốn của mình sẽ gây trở ngại cho cơ quan quản lý trại giam, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, chống lại án phạt tù; Hoặc trong trường hợp người phạm tội có ý gây thương tích, người phạm tội nhận thức rõ hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động trực tiếp lên cơ thể người khác là hành vi có thể hoặc nhất định gây thương tích và mong muốn gây thương tích cho nạn nhân, để mặc cho hậu quả đó xảy ra...

- Chủ thể của tội phạm: Ngoài điều kiện chung về đủ năng lực trách nhiệm hình sự thì chủ thể của tội phạm do phạm nhân thực hiện là phạm nhân, tức là người đã bị Tòa án kết án tù có thời hạn, tù chung thân và đang chấp hành án phạt tù trong trại giam.

1.1.2. Phân biệt tội phạm do phạm nhân thực hiện với những hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam

Phạm nhân là những người đã bị kết án, họ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, họ luôn nhận thức được những điều mình làm. Mặt khác, khi

vào trại giam phạm nhân đã được tổ chức học tập nội quy, quy chế trại giam và các văn bản pháp luật liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ trong trại giam. Do đó bất cứ hành vi nào được thực hiện gây thiệt hại đến lợi ích cá nhân hay tập thể, trái quy định trong nội quy, quy chế trại giam trại giam đều phải phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh. Việc phòng ngừa ngăn chặn không để phạm nhân thực hiện hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam và không để họ thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chấp hành án là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của lực lượng Cảnh sát trại giam.

Tuy nhiên cần làm rõ ranh giới giữa vi phạm nội quy, quy chế trại giam với hành vi phạm tội, vì đây là điểm dễ gây nhầm lẫn trong thực tế xử lý các hành vi vi phạm của phạm nhân ở các trại giam. Vì có vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện đã đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cán bộ trại giam chỉ xử lý kỷ luật về vi phạm nội quy trại giam, chứ chưa làm các thủ tục điều tra ban đầu về vụ phạm tội đó. Ngược lại có vụ vi phạm nội quy nhưng cán bộ trại giam lại quyết định khởi tố vụ án hình sự và cuối cùng không đủ yếu tố để khởi tố về vụ việc đó.

Trước hết, hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam là một hiện tượng tiêu cực xảy ra ở trại giam của phạm nhân. Những hành vi này xâm phạm đến các mối quan hệ được nội quy, quy chế trại giam bảo vệ và xác lập. Những hành vi này trực tiếp xâm hại đến chính sách quản lý Nhà nước về công tác thi hành án phạt tù, gây mất trật tự, kỷ cương, kỷ luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của phạm nhân khác. Hành vi vi phạm nội quy, quy chế của phạm nhân rất đa dạng, phạm nhân thực hiện có đủ mọi thành phần, độ tuổi, giới tính, trình độ. Với nhiều loại hành vi vi phạm như: đánh nhau gây thương tích; cò bạc; quan hệ mua bán trái phép, tàng trữ, cất giấu, sử dụng trái phép các vật cấm;... tức là phạm nhân có những hành vi trái với nội quy, quy chế trại giam đã quy định. Khi vào trại giam, phạm nhân đã được

học tập nội quy, quy chế, do đó họ đã biết và nắm được những việc cấm họ không được làm, những việc họ phải làm, nhưng vẫn cố tình không thực hiện hoặc những việc không được làm trong thời gian chấp hành án phạt tù ở trại giam nhưng họ cố tình vi phạm. Những hành vi vi phạm nội quy, quy chế của phạm nhân, căn cứ vào tính chất, mức độ họ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vi phạm nội quy, quy chế trại giam là hành vi gây nguy hiểm cho trại giam, trái với quy định của pháp luật về công tác thi hành án phạt tù, đặc trưng của hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam là hành vi này chỉ xảy ra trong trại giam và hậu quả do những hành vi này thực hiện cũng liên quan trực tiếp tới phạm nhân. Để xử lý những hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam cán bộ Cảnh sát trại giam căn cứ vào những quy định trong Pháp lệnh Thi hành án phạt tù được Ủy ban thường vụ Quốc Hội thông qua ngày 08/03/1993 và Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 01/2007/UBTVQH ngày 19/10/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thi hành án hình sự; Quy chế trại giam, ban hành kèm theo Nghị định 113/CP do Chính phủ ban hành ngày 28/10/2008; Nội quy trại giam ban hành kèm theo Thông tư số 69/2009/TT-BCA-V19 ngày 30/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an. Trong đó, nội quy trại giam là căn cứ pháp lý trực tiếp để xử lý những hành vi vi phạm của phạm nhân.

Đối với hành vi phạm tội của phạm nhân trong thời gian chấp hành án phạt tù cũng là một dạng hành vi vi phạm nội quy, quy chế ở trại giam nhưng ở mức độ cao hơn. Những hành vi phạm tội phải có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự Việt Nam. Những hành vi phạm tội do chính những phạm nhân đang chấp hành bản án phạt tù trong các trại giam thực hiện và phải bị xử lý nghiêm khắc trước pháp luật. Hành vi này là hành vi phạm tội trong thời gian đối tượng đó đang chấp hành án phạt tù ở

trại giam. Căn cứ vào hành vi vi phạm của phạm nhân, nếu đủ các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự, họ sẽ bị xử lý theo từng tội danh nhất định. Như vậy, cơ sở pháp lý để xử lý hành vi phạm tội của phạm nhân trong thời gian chấp hành hình phạt tù là Bộ luật hình sự 1999 được Quốc hội khoá 10 kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21/12/1999.

Dấu hiệu hết sức quan trọng để phân biệt giữa hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam với hành vi phạm tội của phạm nhân là mức độ thiệt hại của hành vi vi phạm do phạm nhân thực hiện, cùng hành vi vi phạm của phạm nhân nếu mức độ thiệt hại chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì sẽ xử lý theo nội quy, quy chế trại giam, nếu đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì chúng ta sẽ xử lý theo quy định của pháp luật Hình sự. Do đó, việc xác định chính xác mức độ thiệt hại của hành vi vi phạm do phạm nhân thực hiện để lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp khi xử lý là điều rất cần thiết, để thực hiện được điều này đòi hỏi cán bộ làm công tác trại giam khi được giao nhiệm vụ phải thận trọng, khách quan và thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình xử lý.

Hậu quả pháp lý phát sinh khi phạm nhân bị xử lý theo nội quy trại giam cũng khác so với xử lý hình sự. Nếu một hành vi vi phạm của phạm nhân bị xử lý theo nội quy, quy chế trại giam (như cảnh cáo hoặc giam tại nhà kỷ luật) thì chỉ ảnh hưởng đến kết quả quá trình xếp loại cải tạo và một số quyền lợi khác trong thời gian phạm nhân chấp hành án, mức án của phạm nhân vẫn không thay đổi. Còn nếu hành vi vi phạm của phạm nhân bị truy tố và xử lý hình sự thì phạm nhân đó phải chịu 1 bản án mới với mức án sẽ có sự thay đổi theo hướng tăng lên, kèm theo đó những quyền lợi của họ sẽ bị ảnh hưởng trong thời gian chấp hành bản án mới.

Cách giải quyết những trường hợp vi phạm nội quy, quy chế trại giam của phạm nhân cũng khác với những trường hợp phạm nhân phạm tội trong

thời gian chấp hành hình phạt tù ở trại giam. Trường hợp khi phạm nhân có hành vi vi phạm nội quy, quy chế nếu cán bộ trại giam phát hiện thì phải bằng mọi biện pháp ngăn chặn ngay, không cho tiếp diễn, các cán bộ chuyên môn phải khẩn trương xác minh làm rõ sự việc, tùy mức độ sai phạm để áp dụng hình thức xử lý phù hợp. Trường hợp phạm nhân vi phạm với tính chất mức độ ít nguy hiểm, cán bộ trại giam xét thấy cần cho phạm nhân cơ hội sửa chữa, có thời gian thử thách thì cán bộ trại giam sẽ tiến hành gặp gỡ giáo dục cá biệt, giải thích cho họ hiểu về những sai trái của hành vi vi phạm và định hướng cho họ phấn đấu cải tạo tốt. Trường hợp hành vi vi phạm nội quy đã thực hiện những thiệt hại nhất định thì phải lập biên bản vi phạm nội quy, lập hồ sơ đề nghị hình thức xử lý kỷ luật tương ứng với hành vi vi phạm như: cảnh cáo; giam tại buồng kỷ luật đến 7 ngày và có thể bị gia hạn đến 15 ngày.

Trường hợp hành vi đó đã đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, khi có vụ việc phạm tội xảy ra, Giám thị trại giam xác minh làm rõ nếu đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì tiến hành khởi tố vụ án và chỉ đạo các đội nghiệp vụ tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu: nếu đã rõ đối tượng gây án thì phải bắt giữ, quản lý ngay hoặc tổ chức truy bắt đối tượng (nếu đối tượng đã trốn); nếu chưa rõ đối tượng thì cần tiến hành các biện pháp nghiệp vụ xác minh làm rõ đối tượng gây án để truy bắt; Bảo vệ hiện trường, khám nghiệm hiện trường (nếu có); Lập biên bản vụ việc (biên bản phạm pháp quả tang); Lấy lời khai bị hại, lấy lời khai người làm chứng, người biết việc; Khám xét, thu giữ bảo quản vật chứng, thu thập các tài liệu có liên quan đến vụ việc; Lập hồ sơ điều tra ban đầu sau đó chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền (theo quy định tại Điều 11, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004) trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án. Đồng thời phối hợp với Cơ quan điều tra tùy cấp (huyện hoặc tỉnh)

thuộc địa bàn đơn vị trại giam đóng trong quá trình điều tra tiếp theo cho đến khi kết thúc vụ án (nếu có).

1.2. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện

1.2.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện

GS.TS. Võ Khánh Vinh khẳng định rằng, “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình*” và “*Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tạo thành một hệ thống gồm nhiều bộ phận cấu thành nó*”.

Tư tưởng hệ thống đã nêu cần phải được giải mã để áp dụng vào trường hợp cụ thể của đề tài, tức là tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện ở các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ. Triết học Mác-xít khẳng định rằng, nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân. Và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó như tình hình tội phạm chẳng hạn, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định. Công thức của sự tác động này phải là Kích thích khách thể (S) – Kích thích phương tiện (X) – Trả lời các kích thích (R).

Kích thích khách thể (ký hiệu là S) là thuật ngữ dùng để gọi các yếu tố tác động của môi trường bên ngoài như các yếu tố về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa-giáo dục, các yếu tố tâm lý – xã hội thuộc các môi trường vĩ mô và vi mô.

Kích thích phương tiện (ký hiệu là X) là thuật ngữ dùng để gọi chung đối với các yếu tố tâm – sinh lý (lý trí và ý chí) của chủ thể hành vi giữ vai trò điều chỉnh bên trong của lối xử sự của chủ thể.

Hành động trả lời các kích thích (ký hiệu R) là thuật ngữ dùng để gọi chung cho các quá trình cơ bản của bản thân hành vi phạm tội, cái mà GS.TS. Võ Khánh Vinh gọi là ba khâu cơ bản: *“Quá trình hình thành tính động cơ của tội phạm; Việc kế hoạch hóa các hoạt động phạm tội và việc trực tiếp thực hiện tội phạm”*.

Với cách nhìn nhận như vậy, đề tài đã cụ thể hóa phát triển thành một hướng dẫn cụ thể xem tội phạm diễn ra một quá trình gồm hai giai đoạn nhập tâm và xuất tâm; và xuất tâm, nhập tâm có đề cập tới quá trình phạm tội trước khi vào trại giam hay chỉ đề cập từ khi phạm nhân vào trại giam. Vấn đề này được thể hiện như sau:

Thứ nhất, nguyên nhân của tình hình tội phạm phải là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm – sinh lý - xã hội tiêu cực thuộc cá nhân con người trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định đã dẫn tới việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà pháp luật hình sự đã quy định là tội phạm. Vậy con người từ khi sinh ra cho tới khi phạm tội và phạm thêm tội mới ở trại giam do những nguyên nhân, điều kiện nào.

Thứ hai, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả - tình hình tội phạm. Và sự phân biệt giữa chúng là hoàn toàn có thể. Thế nhưng, vì nguyên nhân là sự tác động qua lại, cho nên “điều kiện” không thể không tham gia vào sự tương tác này. Do đó, khi nói nguyên nhân đã bao hàm trong đó cả điều kiện. Thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm lại luôn luôn đòi hỏi phải loại trừ cả hai.

Ví dụ: Đối với tội trốn khỏi nơi giam giữ thì vấn đề chủ yếu là do điều kiện làm cho các phạm nhân thấy được sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý của cán bộ trại giam lên nảy sinh ý định trốn trại. Như tại trại giam Xuân Lộc vào cuối năm 2012 hai phạm nhân Nguyễn Quang và Trần Duy Quang lợi dụng vào sơ hở trong công tác quản lý (máy dò kim loại tại cổng trại bị hỏng) hai phạm nhân trên đã bẻ đôi lưới cửa sắt lấy từ hiện trường lao động cho vào cán chổi mang trót lọt qua cổng trại; thực hiện việc cưa song sắt trốn khỏi nơi giam.

Như vậy có thể hiểu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện *hay của hành vi phạm tội chỉ là một và là chính bản thân sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống bên ngoài với các yếu tố tâm – sinh lý tiêu cực bên trong cá nhân con người mà trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định đã dẫn đến việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động hoặc không hành động) mà Luật hình sự quy định là tội phạm*. Trên cơ sở lý luận này, tác giả đi sâu vào nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam trên địa bàn các tỉnh Đông Nam Bộ.

1.2.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện

Tội phạm học với tư cách là một khoa học chuyên nghiên cứu về tội phạm và người phạm tội cùng với những nguyên nhân và điều kiện của nó để đề ra biện pháp phòng ngừa, cho nên vấn đề nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện để đề ra các biện pháp phòng ngừa, cho nên vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện được nghiên cứu

một cách sâu sắc, toàn diện sẽ mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tế.

1.2.2.1. Ý nghĩa lý luận của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện

Thứ nhất, việc nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận của chính nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Bằng việc nghiên cứu tổng quát về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện nói chung và nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói riêng góp phần làm rõ thực trạng, cơ cấu, diễn biến của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện và dự đoán xu hướng của nó trong thời gian tới.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý khác sử dụng làm tài liệu để tiếp tục đi sâu nghiên cứu, xem xét đối tượng của mình, đồng thời là cơ sở áp dụng các phương pháp, biện pháp trong thực tế phòng, chống tội phạm.

Đối với khoa học Luật hình sự, những thông tin về các đặc điểm, dấu hiệu khi nghiên cứu cơ chế của hành vi phạm tội có ý nghĩa quan trọng khi làm sáng tỏ các đặc điểm nhân thân của phạm nhân thực hiện tội phạm trong trại giam được khoa học luật hình sự khái quát hóa để nghiên cứu đưa ra những quy phạm pháp luật cụ thể quy định các vấn đề như: dấu hiệu của chủ thể tội phạm, vấn đề truy cứu hay miễn trách nhiệm hình sự, những trường hợp cần được miễn, giảm hình phạt...

Khoa học tố tụng hình sự dựa vào những thông tin phản ánh về nhân thân người phạm tội như độ tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo, tiền án, tiền

sự...để nghiên cứu đưa ra những quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với người phạm tội do phạm nhân thực hiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý đúng người, đúng tội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhà nước ta.

Thứ ba, nghiên cứu làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện còn nhằm làm rõ, phát hiện các sơ hở thiếu sót trên các lĩnh vực với Nhà nước là chủ thể quản lý để kịp thời khắc phục bổ sung, chỉnh lý nhằm ngăn chặn tội phạm do phạm nhân thực hiện và đưa ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm ưu việt nhất.

1.2.2.2. Ý nghĩa thực tế của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam để các chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm, tiến hành soạn thảo, đề xuất các phương pháp, giải pháp nhằm tác động làm mất đi nguyên nhân, điều kiện của tội phạm do phạm nhân thực hiện. Chẳng hạn như giải pháp về mặt giáo dục, dạy nghề, văn hóa văn nghệ... nhằm giúp phạm nhân yên tâm cải tạo, tích cực học tập, lao động hoặc các giải pháp phòng ngừa tăng cường các biện pháp an ninh trong trại giam, ngăn chặn các hành vi chống phá, trốn khỏi nơi giam.

Thứ hai, trong hoạt động phòng ngừa tội phạm do phạm nhân thực hiện, những kết quả nghiên cứu về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện sẽ cho chúng ta cơ sở áp dụng các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối với từng loại tội phạm ở từng trại giam, đối với từng loại phạm nhân nhất định được tiến hành trên cơ sở

nguyên cứu nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện nói chung.

Thứ ba, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho khoa học quản lý, giáo dục phạm nhân và những phương pháp phân loại phạm nhân để nghiên cứu những hình thức, phương pháp quản lý, giáo dục người phạm tội, lập dự án phát triển trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng xây dựng quy chế tại các trại giam khoa học, hiệu quả hơn...

1.3. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện trên cơ sở của cơ chế tác động

Trong các tài liệu nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện có rất nhiều cách phân loại khác nhau như nguyên nhân và điều kiện khách quan, nguyên nhân và điều kiện chủ quan,... nhưng ở đề tài này phạm nhân phạm tội diễn ra theo hai giai đoạn xuất tâm và nhập tâm được thể hiện như sau:

- *Một là*, cơ chế hành vi có hai quá trình: Quá trình một là quá trình tương tác nhập tâm; Quá trình hai là quá trình tương tác xuất tâm. Hai quá trình này phụ thuộc lẫn nhau, phản ánh lẫn nhau;

- *Hai là*, quá trình tương tác nhập tâm là quá trình con người chuyển từ phía môi trường sống vào bản thân mình những quy luật bản chất của thế giới để tạo thành tâm lý, ý thức, nhân cách của bản thân, bằng cách chiếm lĩnh thế giới. Quá trình tương tác nhập tâm diễn ra trong đầu óc con người, kéo dài từ khi sinh ra cho đến khi có động cơ tư tưởng (Động cơ hóa hành vi) và được bộc lộ ra bên ngoài thông qua quá trình tương tác xuất tâm;

- *Ba là*, quá trình tương tác xuất tâm là quá trình bộc lộ tâm lý, ý thức, đặc biệt là ý thức pháp luật, ra bên ngoài thông qua hoạt động kế

hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi. Nói cách khác, quá trình tương tác xuất tâm không chỉ có biểu hiện là hành vi cụ thể nào đó, mà còn phản ánh quá trình tương tác nhập tâm.

Trên cơ sở lý luận về hai quá trình như vậy, việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện ở đây đã được thực hiện.

1.3.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

Quá trình này kéo dài từ khi sinh ra cho tới khi chủ thể hành vi có được động lực thực hiện hành vi phạm tội, tức là đến bước “động cơ hóa hành vi” trong mô hình cơ chế hành vi phạm tội. Quá trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người, được gọi là “Quá trình tương tác nhập tâm”. Chính những yếu tố tiêu cực thuộc quá trình này đã tạo cho chủ thể hành vi một nhân thân xấu dần và “đột phá” khi xác định cho mình động lực để phạm tội – động cơ tư tưởng.

1.3.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

Khác với những nguyên nhân, điều kiện khác; nguyên nhân và điều kiện khách quan tồn tại trước khi đối tượng có động cơ tư tưởng phạm tội. Những nguyên nhân, điều kiện này tác động lên đối tượng trong một khoảng thời gian dài khi người đó tham gia vào một môi trường hoạt động và giao tiếp không thuận lợi dẫn đến việc hình thành những nhu cầu lợi ích không phù hợp với các chuẩn mực xã hội, để thỏa mãn nhu cầu, lợi ích thì đối tượng thường phạm pháp mà người đó dự định sẽ làm khi có điều kiện thích hợp. Tuy nhiên, các yếu tố tác động từ bên ngoài không được xem là nguyên nhân của tội phạm do phạm nhân thực hiện mà chỉ là điều kiện bởi vì không phải ai rơi vào môi trường không thuận lợi cũng đều phạm tội. Mặc dù đề tài nghiên cứu

phạm nhân phạm tội trong trại giam nhưng có những phạm nhân khi vừa nhập trại vài ngày đã phạm tội cho nên nó cũng chịu tác động, ảnh hưởng của môi trường bên ngoài. Cụ thể:

a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình có vai trò quyết định nhân cách sống của con người cho nên con người trở thành người tốt hay trở thành tội phạm có nguyên nhân từ gia đình. Con người sinh ra không bẩm sinh là người có xu hướng phạm tội mà yếu tố dẫn đến việc phạm tội của con người khởi nguồn là sự thiếu sót trong quá trình phát triển nhân cách, mà sự thiếu sót này chủ yếu do gia đình gây ra. Đối với những gia đình có khiếm khuyết thì tỷ lệ những đứa trẻ trong gia đình đó khi lớn lên thường phạm tội nhiều hơn. Cụ thể:

Thứ nhất, do thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình, nhiều bậc cha mẹ và những người thân trong gia đình thiếu sự quan tâm cho nhau chỉ biết kiếm tiền lo cho gia đình mà quên mất việc dành thời gian để giáo dục, quan tâm con cái không tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của con em mình. Từ đó đã không kịp thời uốn nắn được hành vi sai trái của con em, vô tình làm cho con em mình cảm thấy buồn chán, chây lười học tập, chỉ thích tụ tập bạn bè chơi bời, quậy phá, mất định hướng trong cuộc sống, sớm nhiễm những thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội và bước vào con đường phạm tội.

Thứ hai, do sự ảnh hưởng bởi các thói hư tật xấu của những người trong gia đình. Tội phạm do phạm nhân thực hiện chịu ảnh hưởng nhiều của những hành vi xấu, đặc biệt là những hành vi sử dụng bạo lực, xem trọng giá trị vật chất, không gương mẫu về đạo đức, vi phạm pháp luật. Các hành vi tiêu cực này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành nhân cách của con người.

Thứ ba, do không định hướng đúng đắn về việc làm hoặc không tạo điều kiện tốt để con em có việc làm ổn định. Nếu như con em trong gia đình bỏ học hoặc gia đình không có điều kiện cho học tiếp thì gia đình nên cho đi học nghề hoặc tạo việc làm ổn định thì sẽ ít có cơ hội để tụ tập bạn bè và tham gia vào các cuộc nhậu nhẹt, ăn chơi... từ đó thực hiện các hành vi phạm tội.

Còn đối với những phạm nhân trong quá trình chấp hành án tại trại giam sự động viên, khích lệ, quan tâm của gia đình là yếu tố rất quan trọng giúp phạm nhân yên tâm cải tạo. Như vậy để phòng ngừa cũng như đấu tranh chống tội phạm do phạm nhân thực hiện, yếu tố gia đình có vai trò rất quan trọng.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường trại giam

Trại giam không chỉ là nơi giam giữ mà còn là môi trường giáo dục, cải tạo, uốn nắn những phẩm chất tiêu cực trong con người phạm nhân, hình thành những phẩm chất tốt trong quá trình chấp hành án. Nhưng bên cạnh đó phạm nhân cũng chịu ảnh hưởng của một số yếu tố tiêu cực từ môi trường trại giam như:

Thứ nhất, trong quá trình cải tạo ở trại giam vì đây là một môi trường đặc biệt, tất cả đều đã là tội phạm, có những phạm nhân có tới ba, bốn tiền án, tiền sự chính vì vậy trong quá trình sinh hoạt chung hoặc ăn ở tại buồng giam phạm nhân dễ nảy sinh xích mích dẫn tới hành vi phạm tội mới

Thứ hai, trong quá trình sinh hoạt chung như học văn hóa, văn nghệ, thể thao,... lợi dụng sơ hở của cán bộ trại các phạm nhân móc nối với nhau cá độ, tàng trữ mua bán ma túy, cá độ,...

Thứ ba, số lượng phạm nhân đông, trong khi đó các cán bộ giáo dục còn thiếu lên chưa đi sâu, đi sát vào từng phạm nhân cụ thể mà chỉ chú

trọng vào các phạm nhân hay vi phạm để uốn nắn cho kịp thời lên hiệu quả chưa cao.

c) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội vĩ mô với nhà nước là chủ thể quản lý

Xã hội ta vận hành theo nguyên tắc lớn do Đảng ta đề ra là “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội và Nhà nước cũng là một chủ thể trong mối quan hệ pháp luật hình sự. Vì thế, Nhà nước phải chịu trách nhiệm đối với vấn đề tội phạm trong xã hội. Song điều đó không có nghĩa rằng, sự xuất hiện tội phạm trong xã hội nói chung và tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện nói riêng, đều là do Nhà nước. Vì thế phải đánh giá cho công bằng, tức là phải có cái khách quan và cái chủ quan. Và để bảo đảm tính toàn diện, tránh bỏ sót trong việc xác định hệ thống những yếu tố làm phát sinh tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện, hệ thống những yếu tố này cần được phân thành những yếu tố khách quan và những yếu tố chủ quan trên cơ sở lấy Nhà nước làm trung tâm để phân biệt.

c.1. Do tồn tại xã hội

Những yếu tố khách quan làm phát sinh tình hình tội phạm là yếu tố đang tồn tại trong xã hội không phụ thuộc vào ý chí nhà nước và cũng không phải do nhà nước gây ra còn những yếu tố chủ quan là yếu tố do bản thân nhà nước tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng quản lý làm tội phạm xuất hiện trong xã hội mặc dù nhà nước không mong muốn. Những yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện có những đặc điểm riêng và đặc điểm chung của tình hình tội phạm.

c.2. Do hạn chế của Nhà nước trong các khâu quản lý trên các lĩnh vực

Những yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm phải là yếu tố do bản thân Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý xã

hội đã làm cho tội phạm xuất hiện. Đó là những yếu kém, khiếm khuyết, thiếu trách nhiệm trong quá trình quản lý xã hội của Nhà nước. Quản lý được hiểu là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh mang tính quyền lực nhà nước đối với mọi mặt kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp luật, quản lý xã hội... có thể nêu một số khâu cơ bản sau:

Thứ nhất, về kinh tế

Trong những năm gần đây, thực hiện chính sách đổi mới của Đảng, kinh tế đất nước phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã có những tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế xã hội, làm nảy sinh lối sống thực dụng. Một số phạm nhân có tâm lý muốn kiếm tiền bằng bất cứ giá nào đã bất chấp mọi giá trị chuẩn mực đạo đức, pháp luật đã bước vào các hoạt động phạm tội kể cả khi ở trong trại như cá độ, đánh bài, vận chuyển ma túy thông qua con đường thăm gặp, hoặc móc nối với công nhân trong các xưởng ở trại giam,...

Thứ hai, về văn hóa

Đó là lối sống chỉ biết lợi ích cá nhân mình, xem nhẹ lợi ích của người khác. Đối với những phạm nhân có tâm lý chuẩn mực, xem trọng các giá trị đạo đức khi nhu cầu vượt qua khả năng của họ, họ sẽ chọn cách thức giải quyết một cách hợp pháp như cố gắng lao động cải tạo để sớm được hưởng sự khoan hồng của pháp luật trở về sum họp với gia đình. Ngược lại, đối với những phạm nhân có tâm lý tiêu cực, họ sẽ chọn cách thức giải quyết một cách tiêu cực bằng nhiều phương thức như cố ý gây thương tích, sử dụng vật cấm,...

Thứ ba, về mặt quản lý xã hội

Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về các hình thức, thủ đoạn các đối tượng phạm tội phạm do phạm nhân thực hiện, về công tác phòng

chống tội phạm trong các cấp, các ngành và trong quần chúng nhất là những địa phương có trại giam đóng quân còn chưa có chiều sâu nên vẫn còn một bộ phận người dân chưa nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, tố giác hành vi phạm tội của phạm nhân.

Thứ tư, về dân sự

Trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội phạm do phạm nhân thực hiện nói riêng thì các cơ quan bảo vệ pháp luật giữ vai trò trọng yếu. Trong những năm qua, hoạt động của các cơ quan này dù cố gắng nhiều, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thực tiễn, những mặt thiếu sót cần khắc phục vẫn còn.

Tội phạm do phạm nhân thực hiện chưa được pháp luật xử lý kiên quyết, vì vậy tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa còn hạn chế. Việc thi hành các quy định của pháp luật đã được ban hành nhất là việc áp dụng Bộ Luật hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự, luật thi hành án hình sự còn nhiều bất cập, kém hiệu quả. Năng lực của cán bộ quản lý trại giam còn nhiều hạn chế trước những diễn biến phức tạp của tình hình phạm nhân phạm tội mới với những biến hóa nhanh chóng về thủ đoạn phạm tội do các phạm nhân là những chủ thể đặc biệt đã trải qua các quá trình tố tụng.

Trong điều tra và xử lý các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại trại giam chưa đáp ứng được yêu cầu và chưa phù hợp với tình hình thực tế, còn có một số vấn đề cần khắc phục như: chất lượng điều tra chưa cao, chưa nhanh, chưa kịp thời; việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do phạm nhân phạm tội trong trại giam còn kéo dài, mức án còn thấp chưa đủ sức răn đe...

1.3.1.2. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Nguyên nhân, điều kiện chủ quan từ phía người phạm tội được hiểu là tất cả những yếu tố thuộc về người phạm tội bao gồm những tiêu cực thuộc ý thức cá nhân và những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân.

Quá trình động cơ hoá hành vi phạm tội diễn ra trong suy nghĩ người phạm tội, còn những động lực của hành vi như nhu cầu, sở thích, lợi ích, thói quen .v.v... lại là những yếu tố không phải lúc nào cũng ở trong con người, mà chúng thường do môi trường bên ngoài quy định. Điều đó có nghĩa là, động cơ hoá hành vi là quá trình tâm - sinh lý - xã hội. Quá trình này có cơ sở khách quan do điều kiện xã hội, do hoàn cảnh sống cụ thể của mỗi con người mang lại.

Về nhu cầu của người phạm tội, phạm nhân phạm tội trong trại giam đã không làm chủ được hành vi và tìm cách thỏa mãn nhu cầu bằng cách thức không chính đáng trong đó bao gồm cả sai lệch về đối tượng để thỏa mãn nhu cầu. Phạm nhân phạm tội thường có nhận thức không đúng hoặc không đầy đủ về các giá trị đạo đức xã hội, giá trị sức lao động của người khác. Họ đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, từ nhận thức, đặc điểm tâm lý và tư tưởng không đúng đắn này, kết hợp với nhu cầu không chính đáng thành động cơ của hành vi phạm tội của phạm nhân trong trại giam.

Thứ nhất, động cơ hóa hành vi phạm tội do phạm nhân thực hiện trong các trại giam chính là đoạn kết của quá trình tương tác nhập tâm, cái chuẩn bị cho quá trình tương tác xuất tâm.

Thứ hai, động cơ hóa hành vi phạm luôn luôn hiện hữu trong mọi trường hợp, mọi vụ án do phạm nhân thực hiện tội phạm.

1.3.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Quá trình kế tiếp là quá trình tương tác xuất tâm, gồm khâu kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội.

Theo các lý luận đã được các nhà khoa học khái quát, kế hoạch hóa hành vi là bước chuẩn bị cho việc thực hiện hành vi. Chủ thể xác định mục đích trực tiếp, đối tượng tác động, phương tiện, địa điểm, thời gian thực hiện và xác định cả phương thức giải quyết hậu quả mà mình gây ra. Ở

bước này, chủ thể chuẩn bị cả điều kiện vật chất và điều kiện tinh thần cho việc thực hiện hành vi. Còn hiện thực hóa hành vi là bước chủ thể trực tiếp thực hiện hành vi bằng các hành động cụ thể. Những bước chuẩn bị và thực hiện hành vi bằng các hành động cụ thể của quá trình tương tác xuất tâm bắt nguồn từ nguyên nhân và điều kiện sau:

- Nguyên nhân và điều kiện chủ quan:

Thứ nhất, nguyên nhân xuất phát từ sự kiên quyết của chủ thể hành vi phạm tội. Từ những yếu tố tiêu cực của môi trường sống (S) đã chuyển thành các yếu tố tiêu cực của chủ thể hành vi phạm tội (X), đó là chủ thể của tội phạm với các đặc điểm nhân thân của nó. Chủ thể hành vi phạm tội phạm do phạm nhân thực hiện thường có trạng thái tâm lý ở dưới các góc độ như: tâm lý cá nhân, tâm lý xã hội, tâm lý pháp luật. Các phạm nhân thường có nhu cầu trốn khỏi nơi giam giữ, thỏa mãn cơn nghiện, sở hữu những vật dụng tự chế để thực hiện tội phạm... thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ liều lĩnh và sẵn sàng sử dụng vũ khí tự chế để chống trả lại cán bộ quản giáo, gây thương tích cho phạm nhân khác.

Các yếu tố trên có nhận thức được hay không, chúng biểu hiện như thế nào, trước hết là vấn đề của Khoa học luật hình sự, tố tụng hình sự và Điều tra tội phạm (Luật hình sự), cái mà Tội phạm học phải tiếp thu và thu hút để bổ sung làm rõ toàn bộ những đặc điểm nhân thân người phạm tội dưới góc độ tội phạm học. Vì mục đích này, tội phạm học phải đặc biệt chú ý làm rõ phương thức thực hiện tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện. Phương thức thực hiện tội phạm được hiểu là toàn bộ quá trình mà hành vi phạm tội diễn ra, bao hàm từ khâu chuẩn bị, thực hiện và che giấu hành vi phạm tội. Các yếu tố thời điểm, địa điểm và phương tiện gây án cũng được xem xét đến dưới góc độ tội phạm học, phương thức thực hiện tội phạm chứa đựng những thông tin về động cơ, thái độ, đặc điểm tâm lý

của chủ thể hành vi. Do đó, càng làm rõ phương thức thực hiện tội phạm của tình hình tội phạm này bao nhiêu thì tính chất của loại hiện tượng tiêu cực này càng được làm rõ bấy nhiêu. Về lý luận, mô hình đầy đủ của phương thức thực hiện tội phạm bao gồm 3 bước: chuẩn bị, thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

-Thứ hai, nguyên nhân xuất phát từ nạn nhân của các tội phạm do phạm nhân thực hiện. Trong những điều kiện không gian và thời gian nhất định và trong các mối quan hệ nhất định với những người có khả năng phạm tội, những lối sống và thói quen nhất định là những yếu tố quan trọng làm tăng khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm. Có rất cử chỉ, lời nói của phạm nhân khác tưởng chừng như vô hại nhưng gặp trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định và cùng với động cơ, mục đích của người thực hiện tội phạm là yếu tố thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội có ý gây thương tích, hay sự chủ quan của cán bộ trại dẫn đến phạm nhân thực hiện tội phạm trốn khỏi nơi giam giữ, tàng trữ trái phép chất ma túy...

Yếu tố chủ quan của cán bộ các trại giam cũng đóng vai trò nhất định làm tăng tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện. Các cán bộ trại giam thường tin tưởng vào hệ thống giám sát, hệ thống kiểm soát, vũ trang tuần tra của đơn vị. Tâm lý mất cảnh giác, chủ quan trong tuần tra cũng là nguyên nhân phổ biến làm gia tăng tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam.

- Nguyên nhân và điều kiện khách quan:

Thứ nhất, sự yếu kém của các cơ quan quản lý trại giam trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm do phạm nhân thực hiện.

Thứ hai, sự giúp đỡ, đồng lõa của một số đối tượng là người nhà phạm nhân, các công nhân làm việc tại các xưởng trong trại, người dân ở khu vực quanh trại giam,... đã giúp đỡ phạm nhân thực hiện tội phạm như

cung cấp ma túy, hung khí cho phạm nhân bằng cách ngụy trang hàng hóa thông qua con đường thăm gặp phạm nhân, cất giấu tại các vị trí định sẵn.

Kết luận chương 1

Chương 1 của luận văn đã tìm hiểu và làm rõ các vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội do phạm nhân thực hiện trong trại giam là do sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường bên ngoài với các yếu tố tâm – sinh lý tiêu cực bên trong cá nhân con người mà trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định đã dẫn đến việc thực hiện một hành vi nguy hiểm (hành động hoặc không hành động) mà Luật hình sự quy định, đó có thể là một trong các tội: Chống người thi hành công vụ, buôn bán trái phép chất ma túy, cố ý gây thương tích... Đồng thời chỉ ra ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội do phạm nhân thực hiện; phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trên cơ sở cơ chế tác động. Chương 1 luận văn cũng đi sâu làm rõ mối quan hệ giữa nguyên nhân điều kiện của tình hình tội phạm và phòng ngừa tình hình tội phạm. Trên cơ sở lý luận này, tác giả đi sâu vào nghiên cứu thực tiễn nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ tại Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI PHẠM DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN TẠI CÁC TRẠI GIAM KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015

Với mức độ phát triển hiện nay của tội phạm học Việt Nam – tội phạm học khách quan, thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm đã được thực hiện trên cơ sở của bản thân khách thể nghiên cứu, tức là tình hình tội phạm các loại. Thực chất của vấn đề nhận thức này là đi tìm quy luật của sự phạm tội, cái được tội phạm học khách quan khẳng định rằng, đó là đối tượng nghiên cứu của tội phạm học và nó chỉ có thể được nhận thức thông qua tình hình tội phạm với tính cách là khách thể nghiên cứu. Như vậy, tình hình tội phạm ở đây chính là cơ sở của nhận thức về nguyên nhân và điều kiện.

Đó là cơ sở thứ nhất để đánh giá thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Cơ sở thứ hai cần nói đến là: Văn bản pháp luật thực định; văn bản chỉ đạo của Đảng và triển khai của chính quyền; các luận văn và các bài viết đã công bố; kết quả nghiên cứu điều tra xã hội học đã được tiến hành hoặc cần được tiến hành theo chuyên đề; thực tiễn hoạt động của các chủ thể phòng, chống tội phạm.

Đây là những khả năng lý luận, hàm chứa những hoạt động rất rộng lớn, vì thế, trong phạm vi của luận văn này, vấn đề thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực

hiện tại các trại giam khu vực Đông Nam Bộ, chỉ giới hạn vào hai hoạt động nghiên cứu sau:

Một là, làm rõ thực trạng nhận thức thông qua các đặc điểm định lượng và định tính của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015. Chất liệu nghiên cứu được sử dụng ở đây bao gồm số liệu thống kê của các trại giam Xuân Lộc, Xuyên Mộc, An Phước, Tổng Lê Chân, Cây Cày, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các địa phương cùng với 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015;

Hai là, làm rõ thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng và triển khai của các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ.

2.1.1. Nhận thức thông qua các đặc điểm định lượng của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015

Đặc điểm định lượng ở đây được hiểu là mức độ và diễn biến của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015.

2.1.1.1. Mức độ tổng quan

Để đáp ứng yêu cầu của tội phạm học, mức độ tổng quan phải được làm rõ bằng hai loại số liệu: tuyệt đối và tương đối.

a) Mức độ tổng quan tuyệt đối

Trong thời gian 5 năm, từ 2011 đến 2015, theo thống kê tại khu vực miền Đông Nam Bộ có tổng cộng 258 vụ án xét xử các tội phạm do phạm nhân thực hiện với 260 bị cáo, trung bình năm là 50 vụ với 52 bị cáo. Tỷ lệ các vụ án do phạm nhân thực hiện tội phạm tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ so với tổng số các vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện tại

tất cả các trại giam trên phạm vi cả nước giai đoạn 2011 đến 2015 là 10% số vụ án và 13% số bị cáo.

b) Mức độ tổng quan tương đối

Mức độ này được thể hiện ở các chỉ số khái quát của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực Đông Nam Bộ. Đó là tỷ lệ phạm nhân thực hiện tội phạm trong trại giam trên tổng số phạm nhân chấp hành án. Cụ thể, tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù trong giai đoạn 2011 đến 2015 là 15.700 lượt phạm nhân. Số phạm nhân thực hiện tội phạm trong các trại giam khu vực Đông Nam Bộ chiếm 1,6 % tổng số phạm nhân chấp hành án trong thời gian này. Nghĩa là cứ 100 phạm nhân thì có 2 người thực hiện hành vi phạm tội mới khi đang chấp hành án phạt tù.

2.1.1.2. Mức độ hành vi

Thực tế nghiên cứu các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cho thấy, các tội phạm do phạm nhân thực hiện bao gồm trốn khỏi nơi giam giữ, tàng trữ trái phép chất ma túy, cố ý gây thương tích, chống người thi hành công vụ, hủy hoại tài sản.

Như vậy, qua thống kê cho thấy các tội phạm do phạm nhân thực hiện chủ yếu là các hành vi sử dụng bạo lực chống phá, gây cản trở khó khăn cho đội ngũ quản giáo, gây mất trật tự an ninh, an toàn trại giam.

2.1.1.3. Diễn biến của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015

Diễn biến tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ (2011-2015) được biểu diễn qua phương pháp so sánh định gốc. Số lượng các vụ án do phạm nhân thực hiện tội phạm tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ qua các năm như sau: Năm 2011 có 70 vụ, năm 2012 có 51 vụ, năm 2013 có 48 vụ, năm 2014 có 45 vụ, năm 2015 là 44 vụ. Như vậy, số vụ án do phạm nhân thực

hiện tội phạm tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ có xu hướng giảm theo từng năm, tuy nhiên hàng năm vẫn có trên 40 vụ án đưa ra xét xử các hành vi phạm tội do phạm nhân thực hiện.

2.1.2. Nhận thức thông qua các đặc điểm định tính của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015

2.1.2.1. Cơ cấu theo đơn vị trại giam

Để xác định xem tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện ở trại giam nào nghiêm trọng hơn, cụ thể, trong thời gian từ 2011 đến 2015 tại trại giam Xuyên Mộc có 80 vụ chiếm tỉ lệ 31% tổng số vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện, tại trại giam An Phước có 65 vụ chiếm tỉ lệ 25% tổng số vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện, tại trại Xuân Lộc có 70 vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện chiếm tỉ lệ 27% tổng số vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện, tại trại Tổng Lê Chân có 35 vụ chiếm tỉ lệ 13,5% tổng số vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện, tại trại Cây Cầy có 8 vụ chiếm tỉ lệ 4% số vụ phạm tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ.

2.1.2.2. Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm (phương thức gây án)

Để làm rõ cơ cấu quan trọng và mang tính quyết định này, 100 bản án sơ thẩm hình sự đã được nghiên cứu, phân tích theo các tiêu chí chung của khái niệm “phương thức thực hiện tội phạm”.

Và kết quả cụ thể: Các bước thực hiện tội phạm

Mô hình đầy đủ của một hành vi phạm tội cố ý bao gồm ba bước: Bước 1 là chuẩn bị, bước 2 là thực hiện, bước 3 là che giấu hành vi phạm tội. Qua nghiên cứu 100 bản án với 131 bị cáo thì thấy hành vi phạm tội được thực hiện qua các cơ cấu sau:

Qua nghiên cứu có thể thấy số vụ án tội phạm thực hiện chỉ có một bước là 8 vụ với 11 bị cáo chiếm tỷ lệ 8% tổng số vụ và chiếm tỷ lệ 8,39% tổng số bị cáo. Số vụ án tội phạm thực hiện hai bước là 67 vụ với 91 bị cáo chiếm tỷ lệ 67% tổng số vụ và chiếm tỷ lệ 69,46% tổng số bị cáo. Số vụ án tội phạm thực hiện ba bước là 25 vụ và 28 bị cáo chiếm tỷ lệ 25% tổng số vụ và chiếm tỷ lệ 21,37% tổng số bị cáo. Như vậy, các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ từ năm 2011 đến năm 2015 được thực hiện chủ yếu chỉ qua hai bước tức là chỉ có chuẩn bị và thực hiện, hoặc thực hiện và che giấu. Số vụ án tội phạm thực hiện một bước, ba bước chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số vụ và số bị cáo được nghiên cứu. Như vậy, có thể nhận xét rằng các hành vi phạm tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ từ năm 2011 đến năm 2015 chủ yếu được thực hiện qua hai bước, tức là hành vi có sự chuẩn bị, thực hiện mang tính chất có chủ đích hoặc thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

a. Cơ cấu theo tội danh

Theo nghiên cứu hồ sơ các vụ án do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ, trong đó, tội trốn khỏi nơi giam giữ có 45 vụ chiếm tỉ lệ 17,5%, tội cố ý gây thương tích có 78 vụ chiếm tỉ lệ 30,3 %, các tội phạm ma túy có 48 vụ chiếm tỉ lệ 18,6%, tội chống người thi hành công vụ và hủy hoại tài sản có 40 vụ chiếm tỉ lệ 15,5%, còn lại các tội trộm cắp, cưỡng đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... chiếm tỉ lệ 18%.

b. Công cụ phạm tội

Xét theo công cụ phạm tội của phạm nhân khi thực hiện tội phạm: Đối với tội trốn khỏi nơi giam giữ, chống người thi hành công vụ, hủy hoại tài sản, cố ý gây thương tích công cụ được sử dụng chủ yếu là các vật dụng

mà phạm nhân trộm cắp trong quá trình lao động, học nghề, tự chế lại từ các vật dụng thu nhặt được, người nhà phạm nhân khi đến thăm nuôi ngục trang các công cụ trong đồ ăn, tư trang gửi vào cho phạm nhân mà đội ngũ cán bộ trực trại kiểm tra không kỹ. Đối với tội phạm về ma túy, chủ yếu nguồn ma túy do người thăm nuôi ngục trang kỹ trong đồ ăn, tư trang gửi vào thăm nuôi phạm nhân, sau đó phạm nhân giấu trong người, nhiều trường hợp chôn giấu ma túy khi đi lao động, trong các vách tường, trong cục xà bông, trong hậu môn...

c. Thời gian phạm tội

Tội phạm trốn khỏi nơi giam giữ do phạm nhân thực hiện thường xảy ra vào ban đêm, đặc biệt là những ngày thời tiết giông bão, đội ngũ quản giáo khó khăn trong việc đi lại, tuần tra kiểm soát phạm nhân, có nhiều trường hợp lợi dụng thời điểm đi lao động, cải tạo để bỏ trốn, thời điểm này do số lượng phạm nhân đông, các quản giáo không bao quát kịp tình hình. Các tội phạm về ma túy được thực hiện chủ yếu vào thời điểm thăm gặp giữa người thân và phạm nhân, sau đó các phạm nhân lợi dụng thời điểm sinh hoạt chung như cùng lao động, xem văn nghệ để mua bán chất ma túy. Đối với tội chống người thi hành công vụ và hủy hoại tài sản, phạm nhân chủ yếu thực hiện tội phạm này khi đang trong giờ lao động cải tạo, phạm nhân không chấp hành hiệu lệnh và phản ứng chống lại cán bộ quản giáo, đập phá hủy hoại trang thiết bị của trại giam. Đối với tội cố ý gây thương tích, thời điểm phạm tội thường vào buổi tối khi phạm nhân trở về buồng giam sinh hoạt cùng nhau, xảy ra xích mích, cự cãi.

d. Địa điểm phạm tội

Nghiên cứu các bản án về tội phạm do phạm nhân thực hiện, có thể thấy đối với tội trốn khỏi nơi giam giữ địa điểm phạm tội của phạm nhân chủ yếu ở khu vực lao động, một số trường hợp đào đường, khoét vách

trong buồng giam tìm cách bỏ trốn. Đối với tội cố ý gây thương tích, phạm nhân phạm tội chủ yếu trong buồng giam, nơi sinh hoạt chung với các phạm nhân khác, các quản giáo khó nắm bắt hết tình hình, diễn biến trong buồng giam. Đối với các tội phạm về ma túy, địa điểm phạm tội là nơi thăm gặp giữa người nhà và phạm nhân, buồng giam của phạm nhân nơi phạm nhân tìm cách che giấu ma túy, các nơi sinh hoạt chung nơi phạm nhân trao đổi, mua bán chất ma túy. Đối với tội chống người thi hành công vụ và hủy hoại tài sản, địa điểm chủ yếu là nơi lao động, lớp học nghề của phạm nhân, nhiều trường hợp xảy ra tội phạm này là tại buồng giam nơi phạm nhân đập phá trang thiết bị trong buồng và chống đối lại sự điều hành của cán bộ quản giáo

e. Thủ đoạn gây án

Nghiên cứu 100 bản án xét xử các tội do phạm nhân thực hiện có thể rút ra các thủ đoạn chính như sau: Đối với tội Trốn khỏi nơi giam giữ thủ đoạn phạm tội thường là lợi dụng những sơ hở của việc canh gác, dẫn giải, kiểm soát tại buồng giam hoặc lợi dụng sơ hở của người canh gác để bỏ trốn (có 15 vụ, chiếm tỉ lệ 15%). Có trường hợp người phạm tội sử dụng vũ lực đối với người canh gác, dẫn giải để trốn khỏi buồng giam. Dùng thủ đoạn trèo tường, vượt rào, chui qua cửa sổ, chui qua cống thoát nước, dỡ ngói để bỏ trốn (có 7 vụ, chiếm tỷ lệ 7%).

Đối với các tội phạm về ma túy, nhồi heroin vào gấu áo, vào đồ ăn hay nuốt chửng để sau đó lấy ra theo đường tiêu hóa... là những thủ đoạn mà người nhà các phạm nhân tìm cách để tuồn ma túy vào trại giam (40 vụ chiếm tỉ lệ 40%), phạm nhân có ma túy vào trại buôn bán sử dụng thông qua nhiều nguồn. Chúng lợi dụng các mối quan hệ làm ăn buôn bán trước đây, qua người thân trong gia đình, bạn bè và cả những quan hệ bạn tù khi ra trại do đã ở tù nên nắm bắt quy luật, địa bàn rất kỹ luôn tìm cách mang

ma túy vào trại giam bằng nhiều thủ đoạn như cất giấu kỹ vào các vật phẩm gửi qua đường bưu điện, qua con đường thăm gặp gửi quà tiếp tế, qua quan hệ tiếp xúc với dân ở gần khu lao động sản xuất, lợi dụng chính sách nhân đạo khi phạm nhân ốm đưa đi khám và điều trị tại các bệnh viện, lập ra những hộp thư chết trong trại giam và ngoài hiện trường lao động. Cá biệt có những vụ vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy vào trại giam đối tượng đã móc nối lôi kéo mua chuộc cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ bao che dung túng cho chúng tự do tàng trữ, mua bán trong trại giam gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

f. Thiệt hại do tội phạm gây ra

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cung cấp, thiệt hại về vật chất mà các phạm nhân gây ra khi phạm tội trốn khỏi nơi giam giữ, hủy hoại tài sản trong giai đoạn 05 năm khoảng một tỉ đồng. Trong đó là chi phí xây sửa lại phòng giam, tường bao, buồng giam khoảng 500 triệu đồng, chi phí mua sắm lại trang thiết bị đã bị hủy hoại khoảng 350 triệu đồng, chi phí khám chữa bệnh cho các phạm nhân, quản giáo là nạn nhân của tội phạm cố ý gây thương tích khoảng 150 triệu đồng, chưa tính tới chi phí đi truy nã phạm nhân.

2.1.2.3. Cơ cấu theo chế tài đã áp dụng

Cơ cấu này là cơ sở để nhận xét về tính chất của tình hình tội phạm và nó được xác định trên cơ sở số liệu thống kê thường xuyên của Tòa án.

Có thể nhận thấy hình phạt tù mức án dưới 03 năm tù có tỷ lệ cao nhất với 62,59% trên tổng số bị cáo. Hình phạt án treo, cải tạo không giam giữ chiếm tỷ lệ là 20,61%. Hình phạt từ 03 năm đến dưới 07 năm tù chiếm tỷ lệ 16%. Các mức hình phạt vừa nêu nhìn chung tương xứng với hành vi phạm tội, có tính răn đe các phạm nhân khác. Hình phạt chính được Tòa án áp dụng khi xét xử là hình phạt tù, còn hình thức phạt tiền tuy có được áp

dụng nhưng chiếm tỷ lệ rất ít. Mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm chiếm tỷ lệ thấp 3,05%.

2.1.3. Nhận thức thông qua các đặc điểm nhân thân phạm phạm tội trong các trại giam trên địa bàn các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ giai đoạn 2011-2015

Nghiên cứu nhân thân phạm nhân dưới góc độ tội phạm học nhằm xác định nguyên nhân phạm tội thuộc về nhân thân, mặt khác nghiên cứu quá trình hình thành những đặc điểm sai lệch trong nhân cách cá nhân để làm sáng tỏ nguyên nhân của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện trong trại giam trên cơ sở đó đề ra biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm, giáo dục cải tạo phạm nhân và ngăn ngừa tái phạm.

2.1.3.1. Đặc điểm tự nhiên

a. Tuổi

Qua nghiên cứu nhân thân phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội trong các trại giam khu vực Đông Nam Bộ, nhận thấy số phạm nhân có độ tuổi từ 18 đến dưới 35 tuổi là 146 phạm nhân chiếm tỷ lệ cao nhất là 57% tổng số phạm nhân. Chiếm tỷ lệ cao tiếp theo là độ tuổi từ 35 đến dưới 45 tuổi có 98 phạm nhân chiếm tỷ lệ 37% tổng số phạm nhân. Số phạm nhân từ 45 đến 60 tuổi là 16 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 6,15% tổng số phạm nhân phạm tội trong các trại giam.

b. Giới tính

Về giới tính có đến 231 phạm nhân là nam giới chiếm tỷ lệ 88,8% tổng số phạm nhân. Nữ giới chỉ có 29 phạm nhân chiếm tỷ lệ 11,1% tổng số phạm nhân. Như vậy, đối tượng thực hiện hành vi phạm tội tại các trại giam khu vực Đông Nam Bộ từ năm 2011 đến năm 2015 đa số là nam giới.

c. Dân tộc

Về dân tộc, nghiên cứu 260 phạm nhân, chỉ có 60 phạm nhân là người dân tộc thiểu số (dân tộc Hoa, Khơ me, Chăm...) chiếm tỷ lệ 23%,

còn lại 200 phạm nhân là người dân tộc Kinh chiếm 73%. Con số này cũng phù hợp với cơ cấu các dân tộc ở các trại giam khu vực Đông Nam Bộ, dân tộc Kinh chiếm 70% số phạm nhân.

d. Về bản án đang chấp hành

Nghiên cứu 260 phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội mới trong trại giam, số phạm nhân phạm đang chấp hành án phạt tù từ 3 đến 5 năm tù có 40 phạm nhân chiếm 15,4%; số phạm nhân đang chấp hành án từ 7 đến 15 năm tù có 102 phạm nhân, chiếm 39,3%, số phạm nhân đang chấp hành án từ 15 năm tù trở lên và tù chung thân có 118 phạm nhân, chiếm 45,4%.

Về tội danh, hầu hết phạm nhân thực hiện tội phạm trong trại giam đang chấp hành bản án tù về các tội phạm ma túy, có 105 phạm nhân, chiếm 40,4%, các tội xâm phạm sức khỏe, tính mạng có 70 phạm nhân chiếm 27%, các tội xâm phạm sở hữu chiếm 60 phạm nhân, chiếm tỉ lệ 23%.

2.1.3.2. Đặc điểm xã hội

a. Học vấn

Đây là cơ cấu thể hiện khả năng nhận thức và khả năng hiểu biết pháp luật của phạm nhân. Số phạm nhân có trình độ văn hóa thấp và trình độ văn hóa từ trung học cơ sở, tiểu học, mù chữ chiếm tỷ lệ 83,96% tổng số phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội trong trại giam.

b. Việc làm trước đây

Đây là cơ cấu mà qua đó có thể đánh giá về tính chất của công việc, kinh tế trước khi vào trại giam của phạm nhân có ảnh hưởng ra sao đến hành vi phạm tội. Số phạm nhân thực hiện tội phạm trong trại giam tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ từ năm 2011 đến năm 2015 chủ yếu là không nghề nghiệp, làm thuê và làm nghề nông nghiệp với 187 phạm nhân với tỷ lệ 72% tổng số phạm nhân thực hiện tội phạm trong trại giam.

c. Tôn giáo, tín ngưỡng

Về tôn giáo có 37 phạm nhân có tôn giáo (có theo đạo) chiếm tỷ lệ 14,3% tổng số phạm nhân.

d. Hoàn cảnh gia đình

Qua nghiên cứu hồ sơ 260 phạm nhân thực hiện tội phạm trong các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ, nhận thấy số phạm nhân có gia đình không hoàn thiện là 192 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 73,8%. Có gia đình hoàn thiện là 39 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 15%. Kinh tế gia đình thuận lợi có 21 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 16,03. Kinh tế gia đình không thuận lợi có 110 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 8%. Hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình không hoàn thiện trước đây là một trong những yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách thức xử sự của con người. Hầu hết phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội tại các trại giam đều do người sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Số lượng phạm nhân trước đây sống trong gia đình có kinh tế thuận lợi phạm tội mới trong trại giam rất ít.

e. Tình trạng hôn nhân

Số phạm nhân đã kết hôn là 63 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 24,2 %. Số phạm nhân chưa kết hôn có 83 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 31,3%. Số phạm nhân đã ly hôn có 114 phạm nhân, chiếm 43,8%. Như vậy, ở người phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội ở các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ chủ yếu có tình trạng hôn nhân là đã ly hôn.

2.1.3.3. Đặc điểm hành vi phạm tội

a. Tiền sự

Qua nghiên cứu 260 phạm nhân thực hiện tội phạm ở các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ ta thấy số phạm nhân phạm tội ở các trại

giam khu vực Đông Nam Bộ từ năm 2011 đến năm 2015 phạm tội lần đầu là 95 phạm nhân, chiếm tỷ lệ 36,51%. Tỷ lệ phạm nhân có tiền án, tiền sự là 62%.

b. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Số phạm nhân phạm tội trong các trại giam khu vực Đông Nam Bộ có 89 phạm nhân sau khi bị xét xử, chấp hành án lại tái phạm chiếm 34,3%.

2.1.4. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng, Bộ Công an và triển khai của các trại giam khu vực Đông Nam Bộ

- Các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động phòng ngừa phạm nhân phạm tội bao gồm: Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật Công an nhân dân, Luật thi hành án hình sự.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành án hình sự của Chính phủ trong đó có công tác thi hành án phạt tù bao gồm: Nghị định 80/2011/NĐCP ngày 16/09/2011 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù; nghị định 117/2011/NĐCP ngày 15/12/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân.

- Các văn bản pháp quy của Bộ Công An có hướng dẫn công tác thi hành án phạt tù như: Thông tư số 16/2011/TT-BCA ngày 14/4/2011 của Bộ Công an Quy định về công tác cảnh sát quản giáo, thông tư số 36/2011/TT-BCA ngày 26/05/2011 của Bộ Công An ban hành Nội quy trại giam; thông tư số 37/2011/TT-BCA quy định phân loại giam giữ phạm nhân.

Qua phân tích các văn bản chỉ đạo của Đảng, Bộ Công An đã cho chúng ta nhận thức được rằng tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện trong trại giam vẫn còn diễn biến phức tạp. Đã xuất hiện nhiều phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm với tính chất nguy hiểm ngày càng gia tăng... Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân

là cấp ủy đảng, ban giám thị ở một số trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nên chưa phát huy được sức mạnh trong công tác phòng, chống tội phạm do phạm nhân thực hiện; lực lượng cán bộ phòng chống tội phạm ở nhiều trại giam còn yếu...

Quá trình quản lý giam giữ và giáo dục, cải tạo phạm nhân cũng đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế và bất cập, như:

- Giam chung các đối tượng trong cùng một vụ án, người có quốc tịch nước ngoài với người Việt Nam, người chưa thành niên với người thành niên; phạm nhân được trích xuất có mức án trên 15 năm, tù chung thân với những phạm nhân có mức án dưới 15 năm tù. Tiếp nhận phạm nhân không đủ thủ tục và thông tin theo quy định (vi phạm Luật Thi hành án hình sự, Nghị định số 89/1998/NĐ-CP).

- Công tác phân loại quản chế, xếp loại thi đua nhiều khi còn mang tính hình thức, chưa phù hợp, chưa phục vụ tốt cho việc quản lý, giam giữ và giáo dục; việc đánh giá, phân loại, xét kỷ luật, xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù của phạm nhân thực hiện còn nhiều điểm chưa đúng quy định (vi phạm Thông tư số 37/2011 và Thông tư số 40/2011/TT-BCA).

- Chưa thực hiện việc ghi sổ tiền lưu ký theo mẫu, chưa đảm bảo cho phạm nhân được hưởng chế độ nghe đài, đọc báo, thăm gặp, điện thoại với người thân, viết đơn đề nghị, sinh đẻ, thai sản, nuôi con dưới 36 tháng tuổi ở cùng, xóa mù chữ, học tập, lao động, giáo dục chung và riêng; sử dụng phạm nhân lao động tất cả các ngày trong tuần, ngày lễ, tết nhưng không nghỉ bù hoặc bồi dưỡng... (vi phạm Thông tư số 01/2012/TT-BCA, Thông tư số 08/2011/TT-BCA, Thông tư số 46/2011/TT-BCA). Việc bán hàng căng tin của một số Trại giam chưa đảm bảo các dụng cụ cần thiết để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (vi phạm Quy định số 851/QĐ ngày 10/4/2012 của Tổng cục VIII - Bộ Công an).

- Công tác giáo dục phạm nhân mới chủ yếu chỉ thực hiện được ở việc phổ biến quy chế, giáo dục chung, chưa thực hiện được việc giáo dục riêng, giáo dục cá biệt; việc tổ chức dạy nghề để tái hoà nhập cộng đồng, xoá mù chữ cho phạm nhân còn hạn chế, có trại chưa tổ chức thực hiện (vi phạm Luật THA hình sự; TT liên tịch số 02/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BGD&ĐT ngày 06/2/2012 và Hướng dẫn số 9191/C81-C84 ngày 21/10/2011 của Tổng cục VIII - Bộ Công an).

- Công tác quản lý phạm nhân còn xảy ra nhiều trường hợp vi phạm nội quy, thông cung, trốn, tự sát. Công tác quản lý can phạm nhân khi đi khám và điều trị tại các Bệnh viện gặp rất nhiều khó khăn do phải điều trị cùng với người bệnh không phải là phạm nhân; việc tiếp nhận, sử dụng thuốc chữa bệnh do gia đình gửi tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phát hiện và xử lý vật cấm ở các Trại giam chủ yếu bằng biện pháp thủ công và kinh nghiệm, chưa có sự hỗ trợ tích cực của thiết bị nghiệp vụ nên hiệu quả còn hạn chế; vẫn còn nhiều đối tượng cất giấu được đồ vật cấm đưa vào trong buồng giam. Việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm còn chưa thực hiện đúng quy định; chưa triệt để làm rõ nguyên nhân, nguồn gốc, thủ đoạn... để rút kinh nghiệm chung. Bên cạnh đó, thậm chí có căng tin của một số Trại tạm giam còn bán cả vật cấm cho phạm nhân (vi phạm Thông tư số 46/2011/TT-BCA; Thông tư số 58/2011/TT-BCA).

- Chưa coi trọng việc xây dựng và diễn tập phương án bảo vệ thường xuyên; chưa thực hiện đúng quy định về mỗi đội phạm nhân phải có ít nhất 02 Cảnh sát bảo vệ, 01 quản giáo (vi phạm Thông tư số 68/2011/TT-BCA). Công tác xây dựng, sử dụng công tác viên bí mật ở một số Trại tạm giam, chưa có kế hoạch tổng thể, nhiều trường hợp vi phạm quy trình, thậm trí còn lạm dụng việc tuyển chọn là phạm nhân nơi khác về có mức án cao

(trên 5 năm đến cả 20 năm) với dụng ý cá nhân, chất lượng nguồn tin thấp (dưới 20%); lỗi vi phạm nội quy của can phạm nhân, trong đó có phạm nhân là cộng tác viên bí mật chiếm tới gần 60%. Mỗi quan hệ phối hợp, trao đổi thông tin giữa các Trại giam với các cơ quan chức năng để thực hiện tốt công tác quản lý giam giữ và giáo dục, cải tạo phạm nhân nhiều Trại giam, còn xem nhẹ; nhiều khi còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên và chưa có cơ chế thống nhất; chưa có sự trao đổi thông tin kịp thời. Hệ thống các văn bản pháp luật và các quy phạm pháp luật quy định về những vấn đề có liên quan đến việc quản lý giam giữ và giáo dục, cải tạo phạm nhân nhiều điểm bị chồng chéo, không còn phù hợp với thực tiễn hoặc tuy có phù hợp nhưng tính thực tiễn không cao, nhất là về những vấn đề có liên quan đến chế độ, chính sách và quy định quản lý.

- Đội ngũ cán bộ, chiến sỹ nhiều điểm thiếu và yếu, nhất là việc biên chế thiếu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ ít được nâng cao, phân công cán bộ trái ngành, trái nghề không phát huy được hiệu quả như mong muốn không phải là ít; tình trạng như mất vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ khi canh gác, giúp sức cho can phạm nhân mua bán, vận chuyển và sử dụng vật cấm, vi phạm quy trình công tác trong thực thi công vụ vẫn diễn ra. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ và còn thiếu nhiều, nhiều hạng mục còn thiếu và bất cập; công tác y tế chưa được triển khai đầy đủ.

2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ

2.2.1. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình nhập tâm

2.2.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

- Về môi trường trại giam:

+ Các trại giam tại khu vực miền Đông Nam Bộ có xu hướng quá tải do số lượng phạm nhân ngày càng gia tăng. Việc số lượng phạm nhân đông dẫn tới cơ sở vật chất không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, học tập, cải tạo và giải trí của phạm nhân, dễ xảy ra cự cãi, tranh giành quyền lợi giữa các phạm nhân.

+ Nhiều phạm nhân vốn có bản chất côn đồ, sẵn sàng sử dụng bạo lực để giải quyết các mâu thuẫn với các phạm nhân khác, kể cả đối với lực lượng cán bộ, giám thị các trại giam.

+ Nhiều phạm nhân là con nghiện ma túy, mang trong mình căn bệnh HIV, có thái độ hung hãn, bất cần sẵn sàng phạm tội đối với phạm nhân khác và chống đối cán bộ trại giam.

+ Nhiều phạm nhân khi vào trại giam vẫn muốn chứng tỏ uy quyền, chứng tỏ quyền lực là dân anh chị dẫn đến việc sẵn sàng gây gổ, đánh nhau, tranh giành ảnh hưởng với các phạm nhân khác nhằm khẳng định địa vị trong buồng giam, giành phần thức ăn ngon, chỗ nằm ngủ thoải mái.

- Một số phạm nhân cấu kết, lôi kéo các phạm nhân khác thậm chí là cả cán bộ trại giam để cung cấp ma túy cho các phạm nhân khác, gây rối trật tự trại giam, tạo môi trường không công bằng giữa các phạm nhân.

Vì vậy, dù có sự giám sát, tham gia giáo dục trực tiếp của đội ngũ cán bộ, ban giám thị các trại giam thì môi trường bên trong trại giam là một môi trường phức tạp với nhiều thành phần vốn là người phạm tội đang chấp hành án. Bên cạnh số lượng phạm nhân chấp hành kỷ luật trại giam nghiêm túc, quyết tâm cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình, xã hội. Một số lượng không nhỏ phạm nhân lợi dụng không gian, địa điểm nhà giam có nhiều yếu tố đặc thù để thực hiện các hành vi phạm tội.

- Về trạng thái tâm lý của phạm nhân

+ Tâm trạng ức chế, trạng thái này xuất hiện do nhu cầu về vật chất và tinh thần không được đáp ứng, không được thỏa mãn đầy đủ làm tinh thần phạm nhân trở nên dễ bị kích động dễ dẫn đến hành vi bộc phát.

+ Trạng thái trông chờ những thay đổi nhất định, mặc dù ở một số trường hợp người phạm tội phải chịu án tù chung thân thì sự chờ đợi này là vô vọng. Chính điều này dẫn tới nhu cầu trốn khỏi nơi giam giữ.

+ Trạng thái bi quan, tuyệt vọng, trạng thái này dần dần tới tâm lý thờ ơ, bất cần, không biết sợ hãi, không quan tâm đến các chuẩn mực đạo đức, xã hội. Ở một số phạm nhân dẫn đến tâm lý cùng quẫn, các tác động cải tạo giáo dục khó đạt được hiệu quả.

+ Trạng thái buồn, nhớ nhà, nhớ cuộc sống tự do dẫn tới khát khao được thoát ra khỏi nhà giam, nhiều phạm nhân đắm chìm trong nỗi nhớ gia đình, bạn bè, người yêu, vợ, con dẫn đến động lực muốn trốn khỏi nơi giam giữ.

+ Trong thời gian xa gia đình, cách ly khỏi xã hội, phạm nhân thường rơi vào trạng thái thiếu cảm xúc, dễ bốc đồng, nhạy cảm trước những hành động không đáng kể của bạn tù, dễ dẫn đến các hành vi phạm tội cố tình gây thương tích hoặc chống người thi hành công vụ, hủy hoại tài sản. Trong trạng thái cảm xúc này, tư duy của phạm nhân thường thiếu độc lập, không nhận định đánh giá được hiện tại và tương lai, không suy nghĩ thấu đáo. Ví dụ, tại bản án hình sự sơ thẩm số 131/2013/HSST của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Thọ về tội Chống người thi hành công vụ. Nội dung vụ án như sau: Vào lúc 15h30 phút ngày 14/01/2013, sau khi hoàn thành định mức được giao, phạm nhân Nguyễn Hữu Thọ đã tự ý rời khỏi vị trí lao động, dù được Cán bộ trại giam nhắc nhở nhiều lần (03 lần) nhưng Thọ có thái độ chống đối, ngoan cố không chấp hành, rồi Thọ chạy vào khu vực lao động lấy một con giao nạy hạt

điều xông thẳng vào đâm đồng chí Kiêm là cán bộ trại giam, phạm nhân Thọ chỉ dừng lại khi lực lượng bảo vệ tăng cường xuất hiện. Không dừng lại ở đó, khi bỏ con dao xuống, Thọ rút hai miếng dao lam đã giấu sẵn trong người ra tự cắt vào ngón tay cho chảy máu rồi đe dọa Cán bộ giám thị: "Tao đang bị HIV, thằng nào xông vào tao cho nhiễm luôn". Bằng các biện pháp nghiệp vụ, các Cán bộ trại giam đã bắt giữ, không chế phạm nhân Thọ rồi chuyển hồ sơ qua Viện kiểm sát và Tòa án xét xử theo thủ tục tố tụng.

Nét nổi bật trong trạng thái tâm lý phạm nhân là tính phức tạp cao của nó, pha trộn giữa các trạng thái tâm lý đặc trưng dễ bị kích động dẫn tới thực hiện các hành vi phạm tội trong quá trình chấp hành hình phạt tù.

2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Nhập tâm và xuất tâm là hai quá trình kế tiếp nhau được nhìn nhận trên cơ sở của cơ chế hành vi phạm tội. Quá trình tương tác nhập tâm kéo dài từ khi con người được sinh ra cho đến khi có động cơ phạm tội. Quá trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người và do môi trường sống quy định. Quá trình kế tiếp là quá trình tương tác xuất tâm, gồm khâu kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội. Những yếu tố tác động đến quá trình này phải có 2 nội dung đề cập:

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu được trình bày ở phần trên cho thấy: phương thức gây án không có kế hoạch, tức là có 02 bước chiếm tỷ lệ 67% tổng số vụ và 69,46% tổng số bị cáo; phương thức gây án có kế hoạch, tức 03 bước chiếm tỷ lệ 25% tổng số vụ và 21,37% tổng số bị cáo, các đối tượng thường lợi dụng vào điều kiện, hoàn cảnh khách quan, lựa chọn thời điểm thuận lợi như khi cán bộ quản giáo sơ hở, mất cảnh giác, để trốn khỏi nơi giam giữ. Ví dụ, tại bản án số 23/2014/HSST ngày 10/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tuyên bị cáo Nguyễn Văn Nam phạm tội

Trốn khỏi nơi giam giữ, xử phạt bị cáo Nam 2 năm 06 tháng tù. Nội dung cụ thể của vụ án như sau: Sáng ngày 01/11/2013 tại trại giam Xuyên Mộc, Cán bộ trại giam tổ chức cho phạm nhân xây dựng hàng rào ở khu phân trại số 3. Minh được giao nhiệm vụ chở cơm từ nhà bếp ra nơi lao động cho các phạm nhân khác ăn rồi lại về lại nhà bếp để dọn rửa. Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, nhận thấy công tác quản lý phạm nhân bị các giám thị buông lỏng, khi đang sắp xếp đồ đạc ở khu vực bếp ăn thì Phan Thanh Minh nảy sinh ý định trốn khỏi trại giam, Minh lấy 01 áo thun màu đỏ của phạm nhân Nguyễn Văn Nam đang treo ở dây phơi mặc vào người rồi lấy một khúc cây cao su dài khoảng 3m, đường kính ngọn cây 8 cm, đường kính gốc cây 9 cm gần đó chống vào hàng rào của trại giam trèo ra ngoài tàu thoát. Sau khi nhận được tin báo có phạm nhân trốn trại, tổ trình sát của trại giam đã truy tìm, đến 8 giờ 30 phút ngày 02/11/2013 thì bắt được Minh.

Như vậy, có thể nhận xét rằng các hành vi phạm tội của phạm nhân tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ từ năm 2011 đến năm 2015 chủ yếu được thực hiện qua hai bước. Do vậy, quá trình kế hoạch hóa hành vi cũng diễn ra có sự tính toán trong suy nghĩ của người phạm tội. Điều này có nghĩa là những yếu tố làm tội phạm xảy ra thường có sự chuẩn bị và tính toán từ trước. Do đó, các giải pháp ngăn chặn cần tập trung vào hướng nâng cao chất lượng công tác quản lý và giáo dục phạm nhân.

Thứ hai, yếu tố tình huống, đặc biệt là cán bộ các trại giam cũng thường mắc lỗi. Nhiều cán bộ không chấp hành nghiêm túc kỷ luật trại giam, thiếu nghiêm túc khi thi hành nhiệm vụ, nhận quà biếu để giúp phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận văn trình bày thực trạng nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trong những năm gần đây. Trong đó làm rõ nội dung quá trình hình thành quyết định thực hiện tội phạm: Đặc trưng của quá trình quyết định thực hiện các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ là mối quan hệ giữa mong muốn, có ý định phạm tội và hoàn cảnh cụ thể. Để chuẩn bị cho quá trình thực hiện hành vi phạm tội người phạm tội phải xác định mục đích của hành vi cũng như xác định cách thức, phương tiện, thủ đoạn, lựa chọn địa điểm, thời gian thực hiện tội phạm đồng thời đưa ra các quyết định cụ thể, quá trình này ít bộc lộ ra bên ngoài. Ngoài ra, có nhiều trường hợp người nhà phạm nhân là đồng phạm.

Từ sự phân tích trên cho thấy giữa hai nhóm hiện tượng là đặc điểm hình thành tâm lý bên trong của đối tượng phạm tội và yếu tố môi trường mang tính đặc thù của các trại giam khu vực Đông Nam Bộ. Nghiên cứu thực tiễn cho thấy điều kiện, hoàn cảnh tạo thuận lợi để thực hiện các tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cho thấy đa số các trường hợp phạm tội thì yếu tố tâm lý bên trong của các đối tượng phạm tội mang tính quyết định và chủ yếu là khuynh hướng chống đối lại cán bộ quản giáo trại giam của phạm nhân – hậu quả của việc hình thành nhân cách sai lệch trong các điều kiện sống và cải tạo trong trại giam. Chính vì vậy, đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, pháp luật, văn hóa là yếu tố quan trọng quyết định toàn bộ hiệu quả của công tác cải tạo các phạm nhân, cơ chế tâm lý và tính chất của hành vi của phạm nhân đó. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ.

Chương 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI DO PHẠM NHÂN THỰC HIỆN TẠI CÁC TRẠI GIAM KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC NÀY

3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện

3.1.1. Đối với các cơ quan chuyên trách

Thứ nhất, đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trại giam theo các hình thức:

- Qua đào tạo như đào tạo đại học, sau đại học và qua các lớp tập huấn theo chuyên đề. Đa số các cán bộ trại giam đều được đào tạo cơ bản qua các lớp trung cấp, đại học chuyên ngành; luôn phấn đấu nâng cao năng lực cán bộ của cơ quan mình thông qua việc cử cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học, các lớp chuyên đề nghiệp vụ với số lượng năm sau cao hơn năm trước. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, chiến sỹ các trại giam.

- Coi trọng và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhận thức được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện nói riêng cho đội ngũ cán bộ, chiến sỹ các trại giam;

- Qua tự đào tạo. Cách này được các cơ quan chuyên trách thực hiện bằng nhiều hình thức như thông qua tài liệu, sách báo, internet; qua trao đổi, thảo luận với đồng nghiệp, hội thảo; hướng dẫn tập sự trong thời gian

tập sự; đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng bắt buộc kiến thức, kỹ năng tối thiểu trước khi bổ nhiệm và bồi dưỡng hàng năm.

Thứ hai, xây dựng và thực hiện quy định pháp luật về đánh giá cán bộ, chiến sĩ trên cơ sở kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; thực hiện cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chiến sĩ tương ứng với trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức công vụ của cán bộ, chiến sĩ các trại giam.

3.1.2. Đối với các cơ quan, tổ chức không chuyên trách

Đối với các cơ quan như Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan điều tra cần tăng cường công tác tiếp nhận, điều tra, khởi tố, truy tố xét xử các tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam, lựa chọn các vụ án điểm nghiêm trọng để xét xử công khai tại các trại giam, từ đó tạo ra bài học răn đe cho các phạm nhân có âm mưu thực hiện hành vi phạm tội trong trại giam.

3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện và dự báo tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện

Dưới góc độ tội phạm học thì: Dự báo tình hình là một phần, một bộ phận của dự báo xã hội, vì bản chất tội phạm là một hiện tượng xã hội. Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất và lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện của nó.

3.2.1. Cơ sở dự báo

Một là, nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

- Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

+ Số lượng phạm nhân chấp hành án tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ có chiều hướng gia tăng, do số lượng vụ án và bị cáo trong các vụ án hình sự ở khu vực miền Đông Nam Bộ tăng mạnh. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng quá tải của các trại giam khiến cho tình hình trật tự, trị an trong các trại giam ngày càng phức tạp, khó quản lý.

+ Nhiều người thân, gia đình phạm nhân có xu hướng giúp đỡ phạm nhân thực hiện các tội phạm như mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, trốn khỏi nơi giam giữ ... thông qua việc tìm cách gửi các công cụ, dụng cụ nguy trang trong lương thực, tư trang thăm gặp.

+ Một số cán bộ trại giam có biểu hiện thoái hóa, biến chất, nhận quà biếu, tiền của phạm nhân để dung túng, bao che và đồng lõa với phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội

Hai là, nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

- Các đối tượng thực hiện bột phát bất ngờ, dùng nhiều thủ đoạn để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, thường sử dụng những công cụ sẵn có ở những điều kiện tự nhiên sẵn và lợi dụng sơ hở của cán bộ trại giam để phạm tội.

- Thủ phạm sử dụng các công cụ, phương tiện phạm tội rất đa dạng tùy thuộc vào từng đối tượng, từng nhóm đối tượng và hành vi phạm tội. Số vụ mà các đối tượng dùng sức mạnh chân, tay để phạm tội chiếm rất ít, sử dụng hung khí tự chế ngày một tăng.

Để có cách nhìn nhận khách quan, toàn diện về nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện và đưa ra các giải pháp phòng, chống nhóm tội phạm này có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn các

trại giam thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ trong thời gian tới thì cần phải đưa ra nội dung dự báo tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện nhằm đề ra các giải pháp phòng ngừa hiệu quả

3.2.2. Nội dung dự báo tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện

Dựa vào kết quả nghiên cứu thực trạng nhận thức tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ và kết quả xác định các yếu tố tiêu cực thuộc về nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng này đã được khái quát ở chương 2, và dự báo công tác điều tra, truy tố, xét xử ở các địa phương thuộc vùng Đông Nam Bộ cho phép dự báo tình hình các tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trong thời gian tới với những nội dung sau:

Thứ nhất, về số lượng vụ án và số bị cáo có thể dự đoán trong thời gian tới sẽ không tăng nhưng khó có chiều hướng giảm do các yếu tố là nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện vẫn chưa được khắc phục, loại trừ hoàn toàn. Tình hình tội phạm tiềm tàng vẫn rất cao và khó kiểm soát. Điều này xuất phát từ hành vi phạm tội có sự chuẩn bị cẩn thận, thực hiện mang tính chất có chủ đích hoặc thực hiện, che giấu hành vi phạm tội và có sự chuẩn bị từ trước, các đối tượng thực hiện bất ngờ, dùng nhiều thủ đoạn để thực hiện hành vi và che dấu tội phạm.

Thứ hai, phạm nhân phạm tội trong trại giam có xu hướng trẻ hóa. Số người phạm tội chủ yếu sẽ tập trung vào độ tuổi từ đủ 18 đến dưới 35 tuổi. Đối tượng này nôn nóng quay trở lại xã hội, sẵn mang tâm lý bất mãn, khó hòa đồng với các phạm nhân khác.

Thứ ba, về phương thức thực hiện hành vi phạm tội, chủ yếu vẫn là hai bước – bước chuẩn bị và thực hiện hành vi, hoặc thực hiện và che giấu hành vi phạm tội

Về công cụ gây án: Công cụ gây án chủ yếu là các công cụ do người nhà ngục trang đem vào gửi cho phạm nhân và các công cụ phạm nhân thu lượm, chế tạo trong quá trình học tập, lao động trong trại giam

Thứ tư, thiệt hại do hành vi phạm tội do phạm nhân thực hiện có xu hướng tăng do chất lượng các trại giam ngày càng được đầu tư nâng cấp, phạm nhân lựa chọn những tài sản có giá trị để đập phá, hủy hoại

Thứ năm, địa bàn trọng điểm mà phạm nhân phạm tội về ma túy trong các trại giam thực hiện tội phạm là trại Xuyên Mộc, nơi vốn là điểm nóng của hiện tượng này nhưng vẫn chưa có giải pháp cụ thể, có hiệu quả. Tại trại Xuân lộc, tình trạng phạm nhân phạm tội chống người thi hành công vụ và hủy hoại tài sản có xu hướng gia tăng.

3.3. Giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam

3.3.1. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

- Giải pháp tăng cường dạy nghề, giáo dục, định hướng cho phạm nhân

Một là, tăng cường hoạt động cải tạo, giáo dục phạm nhân, bảo vệ nội quy trại giam, đảm bảo tính công minh của pháp luật; phòng ngừa, ngăn chặn không để họ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; răn đe những người có ý định phạm tội góp phần vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự của đất nước.

Hai là, giáo dục cải tạo để phạm nhân, người vi phạm pháp luật nhận thức rõ tội lỗi, hành vi vi phạm pháp luật, khắc phục, sửa chữa những thói quen, hành vi của bản thân không phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; ăn năn, hối cải, tích cực lao động, học tập, cải tạo, xây dựng nhận thức, tình cảm đúng đắn, định hướng được các giá trị, chuẩn mực về đạo

đức, lối sống của công dân để khi trở về địa phương, họ sẽ trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Ba là, trong công tác giáo dục cải tạo, khơi dậy khát vọng hoàn lương, hướng thiện cho phạm nhân là việc làm rất quan trọng, góp phần hình thành nhân cách tích cực cho họ. Tổ chức cho phạm nhân tham gia các cuộc thi như vẽ tranh “Khát vọng hoàn lương”. Đây là một hình thức giáo dục mới, tạo sân chơi mới về nghệ thuật tạo hình, mang tính giáo dục sâu sắc. Các tác phẩm tham gia dự thi đã được giới chuyên môn về hội họa đánh giá cao. Nhiều tác phẩm đoạt giải, được Tổng cục VIII nghiên cứu, biên soạn thành bài giảng với các chuyên đề về đạo đức, lao động, học tập, kỹ năng sống, phòng chống ma túy và HIV/AIDS, có tác dụng rất thiết thực đối với phạm nhân. Để giúp cho phạm nhân nhận rõ tội lỗi, hối hận về hành vi phạm tội đã gây ra, xóa bỏ mặc cảm và sự thù hận phát động phong trào viết thư “Gửi lời xin lỗi” người bị hại, thân nhân người bị hại, thân nhân phạm nhân, chính quyền địa phương. Sau khi được nghe phổ biến về mục đích, yêu cầu, tất cả phạm nhân đều đã đăng ký viết thư. Hàng nghìn lá thư đã được gửi đi từ các trại giam. Tại buổi gặp mặt, người bị hại hoặc thân nhân người bị hại đều sẵn sàng tha thứ và mong muốn phạm nhân tích cực cải tạo tiến bộ để trở thành người có ích cho xã hội, sớm trở về với gia đình. Hình thức giáo dục này mang đậm tính nhân văn, truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam “đánh kẻ chạy đi, không đánh người chạy lại”, có tác dụng tích cực trong công tác giáo dục cải tạo phạm nhân và đang được dư luận xã hội đánh giá cao.

Bốn là, Thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù, Tổng cục VIII đã chỉ đạo các trại giam tổ chức thực hiện nghiêm túc. Tại các trại giam, khi sắp hết thời hạn chấp hành án phạt

tù, phạm nhân được học và củng cố những kiến thức cần thiết về pháp luật, tâm lý, nghề nghiệp, được thông tin về tình hình kinh tế - xã hội. Công an địa phương đến các trại giam để rà soát và cấp giấy chứng minh nhân dân cho số phạm nhân chưa có hoặc đã bị mất; tư vấn và giải quyết khó khăn về nơi cư trú; phối hợp liên hệ, tìm kiếm việc làm cho số có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, khả năng tự giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình tái hòa nhập cộng đồng.

3.3.2. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

3.3.2.1 Nâng cao chất lượng hoạt động của các trại giam

Thứ nhất: Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân phải gắn liền với các hoạt động cụ thể của trại giam. Giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân về các chuẩn mực đạo đức nhằm hình thành cho phạm nhân tình cảm đạo đức, bồi dưỡng thói quen và hành vi đạo đức. Phạm nhân là những người đã bị suy thoái về mặt đạo đức và nhân cách do đó nếu chỉ giáo dục họ về mặt lý thuyết thì sẽ gặp nhiều khó khăn dẫn đến phạm nhân khó tiếp thu..

Cán bộ các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cần có kế hoạch cụ thể xây dựng nội dung giáo dục ý thức đạo đức cho phạm nhân trong từng công việc cụ thể, hàng ngày để phạm nhân học tập và làm theo. Khi tổ chức tuyên truyền về đạo đức, lối sống cho phạm nhân phải gắn liền với gương người tốt cụ thể, khơi dậy trong phạm nhân tình yêu quê hương đất nước, tình yêu thương con người. Phát động các phong trào thi đua trong trại giam để tổ chức giáo dục như học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phong trào tố giác tội phạm. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phạm nhân học tập quyền và nghĩa vụ của họ được pháp luật quy định.

Tăng cường các hoạt động kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với phạm nhân và kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế trại giam của phạm nhân, kịp thời đổi mới nội dung, hình thức giáo dục cho phù hợp

Thứ hai: Trang bị các phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại phục vụ cho công tác giám sát phạm nhân

Hiện nay các trại giam khu vực Đông Nam Bộ chưa có hệ thống theo dõi giám sát phạm nhân hiện đại như: camera, máy tính, cổng từ nên phạm nhân có thể dễ dàng thực hiện các hành vi phạm tội về ma túy và vi phạm trong trại giam, vì vậy để hạn chế tình trạng này và thực hiện được 20 điều nếp sống văn hóa trong trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trong thời gian tới cần xây dựng được các trang bị thiết bị khoa học kỹ thuật hiện đại. Đào tạo đội ngũ cán bộ quản giáo có kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại.

Thứ ba: Ban giám thị Các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cần có kế hoạch cụ thể về bồi dưỡng, bổ sung và thực hiện chính sách chế độ đãi ngộ động viên khuyến khích hợp lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục phạm nhân nói phân công cán bộ chuyên trách để đảm nhiệm công tác này.

Việc bổ sung đội ngũ cán bộ chuyên trách có thể lấy nguồn từ những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Cảnh sát trại giam tại Học viện cảnh sát nhân dân, học viên tốt nghiệp tại Đại học cảnh sát nhân dân, học viên tốt nghiệp trường Cao đẳng cảnh sát nhân dân II, Trung cấp cảnh sát nhân dân VI (trung cấp trại giam) đúng với yêu cầu công tác đề ra.

Tăng cường bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có, đặc biệt là cán bộ trực tiếp làm công tác này như: mời giảng viên ở các trường Học viện cảnh sát, Đại học cảnh sát, cán bộ tổng cục VIII, Học viện

Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đề giảng dạy tại đơn vị, giúp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, các kiến thức về đạo đức, lối sống, phát động các phong trào thi đua “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Có chính sách khen thưởng hợp lý kịp thời đối với những cán bộ làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân, tăng cường kiểm tra, phát hiện xử lý các vi phạm của đội ngũ cán bộ về đạo đức, lối sống. Tổ chức các buổi nói chuyện, trao đổi tọa đàm giữa các cán bộ làm công tác giáo dục với phạm nhân.

Thứ tư: Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn ở trại giam; giữa trại giam với chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức xã hội và gia đình của phạm nhân .

Các bộ phận chuyên môn trong Các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cần phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác quản lý, giam giữ phạm nhân nói chung và trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân phạm các tội về ma túy nói riêng. Khi phát hiện vi phạm của phạm nhân hoặc các dấu hiệu vi phạm của phạm nhân cần có sự phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ để giải quyết, tránh tình trạng bao che, bỏ mặc coi đó không phải là nhiệm vụ của mình hoặc giải quyết theo ý muốn chủ quan của bản thân, gây ảnh hưởng không tốt tới công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân.

Thường xuyên liên hệ với gia đình phạm nhân, thông báo cho thân nhân phạm nhân về việc chấp hành nội quy, quy chế tại trại giam của phạm nhân để gia đình phạm nhân kịp thời động viên chia sẻ với phạm nhân từ đó sẽ nâng cao hiệu quả công tác này, tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa trại giam và các tổ chức xã hội như: Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân.

Có kế hoạch bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ, đặc biệt là chiến sĩ trẻ để đội ngũ cán bộ thực sự quan tâm và yêu mến công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân. Đề xuất Ban giám thị các trại giam, Tổng cục VIII xây dựng ban hành quy chế phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ trong trại giam, giữa trại giam với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân.

Các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cần kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và gia đình phạm nhân cùng tham gia vào công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân. Thường xuyên tác động đến phạm nhân về mặt đạo đức, tình cảm để phạm nhân thực sự hiểu được việc làm sai trái của mình trước đây, tự đấu tranh với những cái xấu, cái chưa tốt hình thành cho họ thói quen và hành vi đạo đức.

Thứ năm: Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân phạm tội phải được tổ chức trong suốt quá trình chấp hành hình phạt tù của phạm nhân.

Mục đích chính của công tác giáo dục phạm là giáo dục phạm nhân trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài. Các báo cáo hàng năm của các trại giam do Tổng cục VIII cho thấy chất lượng giáo dục ở trại giam hiện nay còn rất thấp, hình thức giáo dục chưa phong phú. Thực tiễn ở các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ cho thấy công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân chưa được quan tâm đúng mức và chưa được tổ chức thường xuyên.

Cán bộ các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trực tiếp giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân qua các hoạt động hàng ngày: Lao động sản xuất, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các trại giam khu vực miền

Đông Nam Bộ nên mở các lớp giáo dục để tác động về mặt nhận thức tư tưởng cho phạm nhân.

Thứ sáu: Thành lập các đội tự quản trong phạm nhân để biến quá trình giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân phạm tội thành quá trình tự quản lý.

Ban giám thị Các trại giam khu vực Đông Nam Bộ cần xây dựng kế hoạch cụ thể tuyển chọn những phạm nhân cải tạo tiến bộ thành lập các đội tự quản trong phạm nhân vì đây là những phạm nhân hằng ngày ăn ở với nhau, do vậy họ có điều kiện tiếp xúc, qua đó có thể nắm chắc tình hình của phạm nhân, có như vậy thì công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho phạm nhân mới có thể đạt kết quả cao nhất.

3.2.2.2 Giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ, chiến sỹ trại giam

- Phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ thực hiện công tác quản lý, giam giữ, cải tạo, giáo dục phạm nhân, người vi phạm pháp luật trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng. Đây là đội ngũ giữ vai trò quyết định đến sự thành công hay thất bại của công tác này; do vậy, cần tiếp tục giáo dục, rèn luyện nâng cao năng lực cũng như phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân, người vi phạm góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

- Thường xuyên giáo dục bồi dưỡng nhận thức chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, trình độ pháp luật, nghiệp vụ; có chính sách và đãi ngộ ưu đãi đối với đội ngũ cán bộ làm công tác cải tạo, giam giữ. Qua đó, củng cố lòng yêu ngành, yêu nghề, niềm tin vào công việc chuyên môn, vào khả năng cảm hóa, giáo dục phạm nhân, biết vượt qua khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường mối quan hệ phối kết hợp giữa các bộ phận làm công tác quản lý, giam giữ, cải tạo, giáo dục phạm nhân, người vi phạm pháp luật trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng với nhau và giữa cán bộ các trại, trường, cơ sở với lực lượng trực tiếp chiến đấu phòng, chống tội phạm, định kỳ sơ kết rút kinh nghiệm về công tác phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải tạo, giáo dục phạm nhân và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, cảm hóa; xây dựng môi trường cải tạo, giáo dục, lao động thuận lợi cho phạm nhân và người vi phạm pháp luật. Tạo môi trường thuận lợi để người vi phạm tin yêu cuộc sống hơn, sống có ý nghĩa và quyết tâm cải tạo để trở thành công dân tốt.

- Xây dựng mối quan hệ tốt giữa cán bộ quản lý phạm nhân, người vi phạm pháp luật; tăng cường sự phối hợp với người thân, gia đình phạm nhân, người vi phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để gia đình, người thân tham gia hoạt động giáo dục, cải tạo người vi phạm, làm cho phạm nhân, người vi phạm pháp luật tìm được sự đồng cảm, niềm tin, sự chia sẻ của người thân, gia đình để tích cực lao động, học tập, rèn luyện, tiến bộ.

- Công tác giam giữ, quản lý, giáo dục, cải tạo người phạm tội và vi phạm pháp luật thực sự có ý nghĩa đối với toàn xã hội và bản thân người vi phạm, khi các cấp ủy Đảng, chính quyền, lãnh đạo các ngành có liên quan, đặc biệt là lãnh đạo ngành Công an thực sự quan tâm đầu tư xây dựng các cơ sở giam giữ đáp ứng tốt hơn các yêu cầu công tác quản lý giáo dục, cải tạo phạm nhân, người vi phạm có điều kiện lao động, cải tạo, học tập . Đồng thời, tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân, người vi phạm có đủ

phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực công tác chuyên môn; quan tâm thỏa đáng về chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, chiến sĩ làm công tác quản lý giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, người vi phạm pháp luật để đội ngũ này thực sự yêu ngành, yêu nghề và không ngừng nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.2.2.3 Nâng cao vai trò giám sát của Viện kiểm sát nhân dân

- Khi trực tiếp kiểm sát, phân tích rõ nguyên nhân, điều kiện vi phạm xảy ra và trách nhiệm trong quản lý giam giữ để kháng nghị, kiến nghị yêu cầu tăng cường các biện pháp quản lý giam giữ và đề cao trách nhiệm của cán bộ chiến sĩ - Yêu cầu và tăng cường kiểm sát việc thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng chống ma túy trong trại giam, phòng chống phạm nhân trốn trại và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật khác của phạm nhân.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về tình hình phạm tội mới của phạm nhân được Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chính xác, kịp thời các số liệu, tình hình xảy ra, phục vụ cho yêu cầu chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao và việc xây dựng báo cáo chuyên đề về công tác này.

- Viện kiểm sát các cấp thường xuyên nắm chắc tình hình chấp hành pháp luật ở nơi giam giữ và có biện pháp cụ thể yêu cầu xử lý các vi phạm xảy ra. Viện kiểm sát cấp trên thường xuyên có sự chỉ đạo kịp thời trong việc xử lý, giải quyết các vụ, việc vi phạm nghiêm trọng xảy ra ở nơi giam, giữ. Thời gian qua, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát cấp tỉnh đã ban hành nhiều thông báo rút kinh nghiệm chung trong toàn ngành và Viện kiểm sát các cấp về công tác kiểm sát thi hành án hình sự. Qua đó, để có biện pháp phòng ngừa và rút kinh nghiệm chung nhằm thực hiện tốt chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân.

Mặt khác, Viện kiểm sát phối hợp chặt chẽ với các trại giam cùng Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân triển khai và thực hiện tốt nội dung công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm ma túy ở nơi giam giữ, trước tiên là sự nỗ lực rất lớn của đơn vị quản lý giam giữ mà trực tiếp là sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các ngành chức năng mà trực tiếp là Ban giám thị trại giam và những cố gắng của cả tập thể cán bộ, chiến sỹ trong toàn đơn vị làm công tác giam, giữ.

Viện kiểm sát các cấp tăng cường phối hợp chặt chẽ với cơ quan Điều tra, Tòa án xét xử những hành vi vi phạm về ma túy ở nơi giam giữ đã có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh các vi phạm, góp phần lập lại kỷ cương, chấp hành pháp luật trong Trại giam .

Viện kiểm sát nhân dân các cấp phối hợp với cơ quan làm công tác giam, giữ làm tốt công tác tuyên truyền cho phạm nhân chấp hành án phạt tù , công tác kiểm soát phát hiện và xử lý vi phạm , triển khai nhiều biện pháp nghiệp vụ phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời có tác dụng răn đe.

Kết luận chương 3

Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam tức là tăng cường nhận thức quy luật của sự phạm tội với tính cách là hiện tượng tiêu cực và các tội do phạm nhân thực hiện tại các trại giam với tính cách là hành vi. Trong đó trách nhiệm trước hết và quan trọng nhất là những cơ quan được giao nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh đó là Ban giám thị các trại giam cùng với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. Đồng thời căn cứ vào tình hình thực tiễn, chương 2 luận văn đưa ra dự báo về tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam trong thời gian tới sẽ gia

tăng về số lượng, tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm, nhiều thủ đoạn và rất manh động. Cần phải phòng ngừa tội phạm, ngăn ngừa mức độ vi phạm pháp luật gây hậu quả nguy hiểm của tội phạm, phải chủ động loại trừ nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm bằng những nhiều biện pháp trong đó tăng cường chất lượng công tác giáo dục và phạm nhân và nâng cao chất lượng giám thị là những biện pháp tiên quyết nhằm không ngừng nâng cao kỷ cương trại giam, tạo ra môi trường giáo dục, cải tạo tốt cho phạm nhân.

KẾT LUẬN

Tình hình tội phạm do phạm nhân thực hiện tại các trại giam khu vực miền Đông Nam Bộ trong những năm gần đây tuy không gia tăng nhưng chưa có chiều hướng suy giảm. Hành vi phạm tội của phạm nhân khi đang chấp hành án gây khó khăn cho công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân của Ban giám thị các trại giam, ảnh hưởng đến quá trình cải tạo, học tập của các phạm nhân khác.

Nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm do phạm nhân thực hiện thường xuất phát từ nhu cầu sử dụng ma túy, thái độ bất cần, cách cư xử lỗ mãng giữa các phạm nhân với nhau và thái độ chống đối các giám thị. Các giải pháp chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa tư duy của phạm nhân, hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội phạm do phạm nhân thực hiện. Lực lượng tiến hành các biện pháp phòng ngừa tình hình phạm tội do phạm nhân thực hiện phải kết giữa hợp lực lượng chuyên trách như Ban giám thị, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

Luận văn đã được tác giả nghiên cứu một cách nghiêm túc trên cơ sở lý luận, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình học tập cũng như làm việc. Đặc biệt là sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình, nhiệt huyết của giáo viên hướng dẫn, các thầy cô tại Học viện khoa học xã hội, tổng cục VIII, các bạn bè, đồng nghiệp... Tuy nhiên với khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân còn hạn chế nên quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định. Kính mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, quý thầy cô, bạn bè và những người quan tâm để luận văn được hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2008), *Hướng dẫn số 595/V26 ngày 02/4/2008 của Cục V26 hướng dẫn thực hiện Quyết định 919 của Bộ trưởng Bộ Công an về phân loại và quản lý giam giữ phạm nhân theo loại*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (1998), *Quy chế giam giữ, tạm giam ban hành theo Nghị định số 89/1998/NQ-CP ngày 7/11/1998 của Chính phủ*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (1992), *Quyết định số 1269/2002/QĐ-BCA(V26) ngày 17/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành 4 tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù và quy định xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù*, Hà Nội.
4. Bộ Công an (1998), *Quyết định số 241 V26/P6 ngày 18/2/1998 của Cục V26 ban hành quy định tạm thời về công tác cảnh sát quản giáo*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (1999), *Quyết định số 195/1999/QĐ-BCA(V26) ngày 26/4/1999 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chế đặc tình trại giam*, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2002), *Quyết định số 919/2002/QĐ-BCA(V26) ngày 01/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về phân loại và tổ chức giam giữ phạm nhân theo loại*, Hà Nội.
7. Bộ Công an (2004), *Quyết định số 810/2004/QĐ-BCA(V26) ngày 18/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác xây dựng, sử dụng cơ sở bí mật của lực lượng cảnh sát trại giam*, Hà Nội.
8. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 4051 ngày 11/12/2010 về quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thi hành án Hình sự và Hỗ trợ tư pháp*, Hà Nội.
9. Các - Mác (1843), *Phê phán triết học pháp luật Hêghen*, NXB Sự thật, Hà Nội.
10. Các Mác - Ăngghen (1980), *Tuyển tập - tập 1*, NXB Sự thật, Hà Nội.

11. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Nghị định số: 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 quy định về việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo*, Hà Nội.

12. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Nghị định số 76/2008/NĐ-CP ngày 04/7/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đặc xá*, Hà Nội.

13. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Nghị định số: 113/2008/NĐ-CP ngày 28/10/2008 ban hành quy chế trại giam*, Hà Nội.

14. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.

15. Bùi Kiên Điện (2003), *Nghiên cứu, sử dụng đặc điểm nhân thân bị can trong hoạt động điều tra hình sự*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

16. Trần Văn Luyện (2000), *Phát hiện và điều tra các tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy của lực lượng Cảnh sát nhân dân*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

17. Vũ Ngọc Nghị (2005), *Nghiên cứu đặc điểm nhân thân bị can phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trong hoạt động điều tra của Công an tỉnh Bắc Giang*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

18. Trương Ngôn (1999), *Giáo trình Một số vấn đề về tâm lý học nghiệp vụ*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

19. Trương Ngôn (1995), *Giáo trình tâm lý học pháp lý*, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

20. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

21. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Phạm Văn Tỉnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr. 79-84.

28. Phạm Văn Tỉnh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

29. Phạm Văn Tỉnh và Nguyễn Văn Cảnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

30. Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.

31. Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.

32. Tổng cục VIII (2011 - 2015), *Báo cáo tổng kết công tác trình sát và công tác năm của các trại giam Xuân Lộc, Xuyên Mộc, Thủ Đức, An Phước, Tổng Lê Chân, Cây Cầy*, Hà Nội.

33. Trường ĐH Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

34. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2007), *Pháp lệnh số 01/2007/QH12 ngày 19/10/2007 sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thi hành án phạt tù*, Hà Nội.

35. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hà Nội (1993), *Pháp lệnh Thi hành án phạt tù*, Hà Nội.

36. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

37. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân; Hà Nội.

38. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam (phần chung), giáo trình sau đại học*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.

39. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), giáo trình sau đại học*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.

40. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam phần tội phạm đại cương*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Danh mục trại giam khu vực miền Đông Nam bộ - Bộ Công an

Số TT	TG	Địa điểm trại đóng quân	Qui mô giam giữ (PN)	Tổng số phân trại		Ban Giám thị	Chỉ bộ	Đảng viên
				Phân trại	Phân khu giam giữ			
1	Xuân Lộc	Xuân Trường, Xuân Lộc, Đồng Nai	4000	4	1	9	7	290
2	Xuyên Mộc	Tân Lâm, Xuyên Mộc, Bà Rịa-Vũng Tàu	2000	3	1	5	6	199
3	Thủ Đức	Tân Phú, Hàm Tân, Bình Thuận	7600	7	3	12	22	540
4	An Phước	An Thái, Phú Giáo, Bình Dương	3000	4	1	8	7	298
5	Tổng Lê Chân	Minh Đức, Bình Long, Bình Phước	2000	3	1	5	5	132
6	Cây Cày	Thanh Bình, Tân Biên, Tây Ninh	1500	3	0	5	5	121
Cộng			20100	24	7	44	52	1580

Nguồn: Tổng Cục VIII - Bộ Công an

Bảng 2.2. Thống kê số liệu phạm nhân theo tội danh

(Tính đến ngày 31/12/2015)

TG	Tổng số PN			Phân loại theo tội danh					
	Tổng số	Nam	Nữ	Các tội xâm phạm ANQG	Các tội xâm phạm tính mạng, SK, NP, DD	Các tội xâm phạm TTQL KT	Các tội về ma túy	Các tội xâm phạm sở hữu	Các tội phạm khác
Xuân Lộc	4854	4368	486	69	1316	42	1181	1955	300
Xuyên Mộc	2750	2750	0	0	865	26	658	1066	135
Thủ Đức	7533	6138	1395	0	1840	77	2494	3073	40
An Phước	3951	3533	418	0	941	59	1418	1171	362
Tổng Lê Chân	2463	2169	294	0	486	47	279	1224	427
Cây Cày	2543	2270	273	0	602	27	263	1233	418
Cộng	24094	21228	2866	69	6050	278	6293	9722	1682

Nguồn: Bộ Công an

Bảng 2.3. Thống kê phân loại phạm nhân theo mức án và độ tuổi
(Tính đến ngày 31/12/2015)

TG	Tổng số PN			Phân loại PN theo mức án				Phân loại PN theo một số độ tuổi				
	Tổng số	Nam	Nữ	Tù chung thân	Từ 20 năm đến 30 năm	Từ 5 năm đến dưới 20 năm	Dưới 5 năm	Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Từ 16 đến dưới 18 tuổi	Nam trên 60 tuổi	Nữ trên 55 tuổi	Số trên 70 tuổi
Xuân Lộc	4854	4368	486	550	83	2969	1252	0	1	0	0	0
Xuyên Mộc	2750	2750	0	295	297	1667	491	29	111	21	3	0
Thủ Đức	7533	6138	1395	122	106	5289	2016	12	47	4	0	0
An Phước	3951	3533	418	47	63	2899	942	23	36	29	5	0
Tổng Lê Chân	2463	2169	294	5	513	1854	91	291	6	2	0	0
Cây Cày	2543	2270	273	7	11	513	2012	147	371	24	200	0
Cộng	24094	21228	2866	1026	1073	15191	6804	502	572	80	208	0

Nguồn: Bộ Công an

Bảng 2.4. Thống kê phạm nhân theo phân loại quản chế
(Tính đến ngày 31/12/2015)

TG	Tổng số PN	Phân loại PN theo Quyết định 919/2002/QĐ-BCA											
		AĐB	A1	A2	A3	BĐB	B1	B2	B3	CĐB	C1	C2	C3
Xuân Lộc	4854	36	20	11	2	1898	1253	897	603	19	18	19	78
Xuyên Mộc	2750	0	0	0	0	1154	853	435	187	31	21	34	35
Thủ Đức	7533	0	0	0		693	2799	2455	1193	20	79	195	99
An Phước	3951	0	0	0	0	599	1729	1048	363	21	53	86	52
Tổng Lê Chân	2463	0	0	0	0	314	634	598	763	10	15	61	68
Cây Cày	2543	0	0	0	0	144	432	573	1112	17	13	69	183
Cộng	24094	36	20	11	2	4802	7700	6006	4221	118	199	464	515

Nguồn; Bộ Công an

Bảng 2.5. Thống kê số phạm nhân có tiền án và nghiệm ma túy*(Tính đến ngày 31/12/2015)*

TG	Tổng số PN	Chưa có tiền án	Tổng số PN có TA			Tổng số PN nghiệm ma túy		
			01 TA	02 TA	03 TA trở lên	Nghiệm trước khi nhập trại	Nghiệm sau khi nhập trại	Tái nghiệm
Xuân Lộc	4854	2436	822	933	663	245	0	0
Xuyên Mộc	2750	1010	801	637	302	283	0	0
Thủ Đức	7533	5673	1458	290	112	1276	0	0
An Phước	3951	3293	441	153	64	161	0	0
Tổng Lê Chân	2463	2000	341	79	43	97	0	0
Cây Cày	2543	1551	851	98	43	778	0	0
Cộng	24094	15963	4714	2190	1227	2840	0	0

*Nguồn: Bộ Công an***Bảng 2.6. Thống kê số phạm nhân là người dân tộc ít người***(Tính đến ngày 31/12/2015)*

TG	Tổng số PN	PN là người dân tộc thiểu số												
		Thái	Tày	Nùng	Mường	Khơ me	Hoa, hán	Gia rai	Chăm chàm	Khơ mú	Stiêng	Chơ ro	Đắc lầy	Dân tộc khác
Xuân Lộc	4854	4	5	4	1	21	97	3	5	0	0	4	0	14
Xuyên Mộc	2750	2	8	11	1	14	118	0	9	0	1	1	0	1
Thủ Đức	7533	3	11	14	9	78	263	0	17	1	2	9	0	15
An Phước	3951	3	24	15	6	21	96	0	6	0	8	1	0	3
Tổng Lê Chân	2463	5	3	3	3	9	28	0	1	0	4	0	0	3
Cây Cày	2543	3	7	6	10	24	119	0	13	0	2	15	0	1
Cộng	24094	20	58	53	30	167	721	3	51	1	17	30	0	37

Nguồn: Bộ Công an

Bảng 2.7. Thống kê số phạm nhân theo các tôn giáo*(Tính đến ngày 31/12/2015)*

TG	Tổng số PN	PN theo các tôn giáo					
		Thiên chúa giáo	Cao đài	Hoà hảo	Tin lành	Hồi giáo	Tôn giáo khác
Xuân Lộc	4854	285	71	21	6	2	9
Xuyên Mộc	2750	597	123	13	15	3	2
Thủ Đức	7533	1053	124	18	35	15	5
An Phước	3951	274	76	12	7	6	17
Tổng Lê Chân	2463	67	2	3	1	3	16
Cây Cày	2543	685	786	8	10	8	19
Cộng	24094	2961	1182	75	74	37	68

*Nguồn: Bộ Công an***Bảng 2.8. Thống kê tổng số cán bộ chiến sỹ***(Tính đến ngày 31/12/2015)*

TG	Tổng số CBCS			Các đội nghiệp vụ						
	Tổng số	Nam	Nữ	Đội Tổng hợp	Đội tài vụ hậu cần, y tế	Đội Quản giáo	Đội Giáo dục hồ sơ	Đội trình sát	Đội KHSX, XD, HN, dạy nghề	Đại đội CSBV
Xuân Lộc	725	659	66	11	29	195	30	29	9	422
Xuyên Mộc	438	411	27	13	21	107	30	21	14	232
Thủ Đức	1254	1079	175	23	14	306	60	66	22	763
An Phước	499	443	56	7	6	96	32	34	9	315
Tổng Lê Chân	281	251	30	6	15	70	11	11	4	164
Cây Cày	312	281	31	7	18	52	8	11	4	212
Cộng	3509	3124	385	67	103	826	171	172	62	2108

Nguồn: Bộ Công an

Bảng 2.9. Thống kê trình độ nghiệp vụ và cấp hàm của cán bộ chiến sỹ
(Tính đến ngày 31/12/2015)

TG	Tổng số CBCS	Trình độ nghiệp vụ				Phương thức đào tạo			Cấp hàm				
		Chưa qua đào tạo	Sơ học	Trung học	CD, ĐH,	Chính quy	Tại chức	Chuyên tu	Cấp tá	Cấp úy	Hạ sỹ quan	Chiến sỹ nghĩa vụ	Công nhân viên hợp đồng
Xuân Lộc	725	423	13	216	73	139	125	49	65	219	198	222	21
Xuyên Mộc	438	223	0	169	46	72	215	2	115	98	78	140	7
Thủ Đức	1254	310	2	864	78	302	528	61	152	377	356	306	63
An Phước	499	171	0	268	60	133	197	1	32	178	158	115	16
Tổng Lê Chân	281	130	21	110	20	64	89	4	74	59	56	82	10
Cây Cày	312	203	0	79	30	11	101	8	29	66	57	153	7
Cộng	3509	1460	36	1706	307	721	1255	125	467	997	903	1018	124

Nguồn: Bộ Công an

Bảng 2.10. Thống kê trình độ và cấp hàm của cán bộ trinh sát, trực trại
(Tính đến ngày 31/12/2015)

TG	Tổng số CBCS đội trinh sát		Trình độ văn hóa		Trình độ nghiệp vụ		Trình độ chính trị				Cấp hàm		
	CB TS	CB TT	Tốt nghiệp cấp 3	Chưa tốt nghiệp cấp 3	Đại học	Trung học	Sơ học	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cấp tá	Cấp úy	Hạ sỹ quan
Xuân Lộc	17	13	30	0	7	23	0	1	6	23	16	3	11
Xuyên Mộc	14	13	27	0	9	18	0	0	9	18	23	4	0
Thủ Đức	30	30	60	0	35	25	0	0	35	25	18	39	3
An Phước	15	17	32	0	20	20	0	0	12	20	1	27	4
Tổng Lê Chân	8	5	13	0	8	8	0	0	5	8	7	4	2
Cây Cày	4	7	11	0	10	10	0	0	1	10	0	9	2
Cộng	88	85	173	0	89	104	0	1	68	104	65	86	22

Nguồn: Bộ Công an

Bảng 2.11. Thâm niên công tác của cán bộ trình sát trại giam*(Tính đến ngày 31/12/2015)*

TG	Từ 1 năm đến 4 năm	Từ 4 năm đến 7 năm	Từ 7 năm đến 9 năm	Từ 10 năm trở lên
Xuân Lộc	13	5	5	4
Xuyên Mộc	9	7	3	9
Thủ Đức	23	21	9	9
An Phước	12	9	7	3
Tổng Lê Chân	5	5	3	3
Cây Cày	3	4	1	1
Cộng	65	51	28	29

*Nguồn: Bộ Công an***Bảng 2.12. Cơ cấu, tình hình tội phạm trong trại giam***(Từ năm 2011 đến năm 2015)*

Năm	Số vụ	Phân loại tội danh			
		Cố ý gây thương tích	Tội phạm về ma túy	Tội trốn khỏi nơi giam	Các tội khác
2011	23	13	2	8	0
2012	26	15	1	10	0
2013	27	14	6	7	0
2014	25	15	0	9	1
2015	29	15	7	6	1
Cộng	130	72	16	40	2

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.13. Kết quả xử lý phạm nhân phạm tội*(Từ năm 2010 đến năm 2015)*

Năm	Số vụ	Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra	Số phạm nhân bị khởi tố	Số phạm nhân đã bị khởi tố nhưng bị trả lại hồ sơ
2011	23	23	33	1
2012	26	26	37	0
2013	27	27	38	0
2014	25	25	35	0
2015	29	29	36	0
Cộng	130	130	179	1

*Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an***Bảng 2.14. Địa bàn phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội***(Từ năm 2011 đến năm 2015)*

Năm	Số vụ	Trong khu giam	Trong buồng giam	Trong khi lao động	Trong các trường hợp khác
2011	23	4	6	13	0
2012	26	7	4	15	0
2013	27	6	5	16	0
2014	25	6	3	16	0
2015	29	5	4	20	0
Cộng	130	28	22	80	0

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.15. Độ tuổi của những phạm nhân phạm tội

Độ tuổi	Số PN	Tỷ lệ %
Từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi	4	2,23%
Từ đủ 18 đến 30 tuổi	113	63,12%
Từ trên 30 tuổi đến 45 tuổi	51	28,49%
Từ 45 tuổi trở lên	11	6,14%
Cộng	179	100%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.16. Trình độ văn hóa của những phạm nhân phạm tội trước khi vào trại

Trình độ văn hóa	Số PN	Tỷ lệ %
Mù chữ	42	23,46%
Tiểu học	91	50,83%
Trung học cơ sở	39	21,78%
THPT, THCN, CĐ, ĐH	7	3,91%
Cộng	179	100%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.17. Nghề nghiệp của những phạm nhân phạm tội trước khi vào trại

Nghề nghiệp	Số PN	Tỷ lệ %
Có nghề nghiệp ổn định	59	32,96%
Có nghề nghiệp không ổn định	17	9,49%
Không có nghề nghiệp	103	57,54%
Cộng	179	100%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.18. Tội danh của những phạm nhân phạm tội

Tội danh	Số lượng PN	Tỷ lệ %
Trộm cắp tài sản	28	15,64%
Cướp tài sản	22	12,29%
Giết người	25	13,96%
Cướp giật tài sản	19	10,61%
Hiếp dâm	8	4,46%
Cố ý gây thương tích	13	7,26%
Lừa đảo CĐTS	11	6,14%
Các tội về ma túy	32	17,87%
Phạm các tội khác	21	11,73%
Cộng	179	100%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.19. Mức án của những phạm nhân phạm tội

Mức án	Số PN	Tỷ lệ %
Dưới 7 năm	75	41,89%
Từ 7 năm đến dưới 15 năm	64	35,75%
Từ 15 năm đến 30 năm	35	19,55%
Tù chung thân	5	2,79%
Cộng	179	100%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.20. Tiền án, tiền sự của những phạm nhân phạm tội

Tiền án, tiền sự	Số PN	Tỷ lệ %
Không có TA, TS	99	55,30%
1 TA, TS	30	16,75%
2 TA, TS	28	15,64%
Từ 3 TA, TS trở lên	22	12,29%
Cộng	179	100%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.21. Thời gian phạm nhân thực hiện hành vi phạm tội

Thời điểm		Số vụ	Tỷ lệ
Trong ngày	Ban ngày	90	72,72%
	Buổi tối	40	27,27%
Trong năm	Mùa khô	87	78,18%
	Mùa mưa	43	21,81%

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.22. Số liệu phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế
(Từ năm 2011 đến năm 2015)

Năm	Tổng số phạm nhân vi phạm	Phân loại hành vi vi phạm			
		Cất giấu vật cấm	Đánh nhau	Vay mượn	Các hành vi khác
2011	4012	12	75	15	3910
2012	4840	154	437	175	4074
2013	4572	333	477	94	3668
2014	4374	421	503	125	3325
2015	4379	422	505	126	3326
Cộng	22177	1342	1997	535	18303

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an

Bảng 2.23. Kết quả xử lý phạm nhân vi phạm nội quy, quy chế
(Từ năm 2011 đến năm 2015)

Năm	Số vụ	Phê bình	Cảnh cáo	Kỷ luật
2011	4012	0	65	3947
2012	4840	0	415	4425
2013	4572	0	455	4117
2014	4374	0	318	4056
2015	4379	0	321	4058
Cộng	22177	0	1574	20603

Nguồn: Tổng cục VIII- Bộ Công an